



Hội Khuyến học Việt Nam  
Viet Nam Association for  
Learning Promotion



Tổ chức Giáo dục,  
Khoa học và Văn hoá  
của Liên Hợp Quốc  
United Nations  
Educational, Scientific and  
Cultural Organization

Sáng kiến Bình đẳng Giới và Giáo dục cho Trẻ em gái tại Việt Nam:  
Trao quyền cho trẻ em gái và phụ nữ vì một xã hội bình đẳng hơn



## SỔ TAY DÀNH CHO CÁN BỘ KHUYẾN HỌC CƠ SỞ

### BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ LỒNG GHÉP GIỚI

trong quản lý, điều hành  
và tổ chức các hoạt động tại  
Trung tâm Học tập Cộng đồng



Hà Nội tháng 02/2017

*Mọi ý kiến, quan điểm thể hiện trong tài liệu là những phân tích mang tính chuyên môn của những người xây dựng tài liệu và không nhất thiết thể hiện chính sách hay quan điểm của UNESCO hoặc của bất kỳ tổ chức nào tham gia hoặc có tên trong sổ tay này.*

<b>Mục lục</b>	
<b>GIẢI THÍCH TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>6</b>
<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	<b>7</b>
<b>THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG THƯ KÝ HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM</b>	<b>8</b>
<b>GIỚI THIỆU SỔ TAY</b>	<b>9</b>
<b>PHẦN A: BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>12</b>
<b>I. Giới, giới tính và một số khái niệm liên quan</b>	<b>12</b>
<b>II. Bình đẳng giới và Công bằng giới</b>	<b>18</b>
<b>PHẦN B: LÒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG</b>	<b>21</b>
<b>I. Mục tiêu, tầm quan trọng và các nội dung/hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng cần được lồng ghép giới</b>	<b>21</b>
<b>II. Lồng ghép giới trong quản lý, điều hành trung tâm học tập cộng đồng</b>	<b>23</b>
<b>III. Lồng ghép giới trong tổ chức các hoạt động cụ thể tại trung tâm học tập cộng đồng</b>	<b>26</b>
<b>IV. Giám sát, đánh giá việc lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng</b>	<b>37</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	<b>40</b>
<b>Phụ lục 1: Các văn bản pháp lý của Việt Nam về Bình đẳng giới</b>	<b>40</b>

<b>Phụ lục 2: Bình đẳng giới và một số khái niệm liên quan</b>	<b>49</b>
<b>Phụ lục 3: các ví dụ</b>	<b>54</b>
<b>D.TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>81</b>

## GIẢI THÍCH TỪ VIẾT TẮT

<b>GD-ĐT</b>	Giáo dục và đào tạo
<b>GDTX</b>	Giáo dục thường xuyên
<b>HTSD</b>	Học tập suốt đời
<b>LGG</b>	Lồng ghép giới
<b>KHVN</b>	Khuyến học Việt Nam
<b>KT-XH</b>	Kinh tế -Xã hội
<b>TTHTCD</b>	Trung tâm học tập cộng đồng
<b>XHHT</b>	Xã hội học tập
<b>UBND</b>	Ủy Ban Nhân Dân
<b>UNESCO</b>	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ GD-ĐT Việt Nam và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) về “Sáng kiến Bình đẳng giới và Giáo dục cho Trẻ em gái tại Việt Nam: Trao quyền cho Trẻ em gái và Phụ nữ vì một Xã hội bình đẳng hơn”, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam là một trong 12 đối tác tham gia thực hiện Sáng kiến này.

Nhiệm vụ của Hội Khuyến học Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác này là chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ GD-ĐT cũng như Hội Khuyến học các cấp thực hiện các hoạt động liên quan (thực hiện khảo sát đánh giá thực trạng bình đẳng giới và các yếu tố tác động tới vấn đề bình đẳng giới tại Trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức Hội thảo, các cuộc làm việc với các cán bộ khuyến học cấp địa phương nhằm thu thập các ý kiến góp ý, cũng như các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai các hoạt động khuyến học v.v...). Trên cơ sở các thông tin đầu vào, nhóm cán bộ, tư vấn của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, với sự hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, tiến hành xây dựng Sổ tay “Bình đẳng giới và lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại Trung tâm học tập cộng đồng” để phổ biến rộng rãi tới các cán bộ chủ chốt các cấp của Hội khuyến học Việt Nam (từ cấp tỉnh đến cấp xã), giúp họ có bộ công cụ hữu ích và thiết yếu phục vụ cho công việc của mình.

Xin bày tỏ lời cảm ơn trân trọng tới các cán bộ của Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, các tư vấn đã hỗ trợ nhóm biên soạn trong quá trình soạn thảo, các cán bộ khuyến học và lãnh đạo các địa phương đã tham gia và hỗ trợ nhiệt tình các hoạt động liên quan, cũng như đã cho các ý kiến đóng góp có giá trị để hoàn thiện cuốn Sổ tay này.

Chúng tôi mong rằng, trong quá trình sử dụng các cán bộ khuyến học cơ sở sẽ tiếp tục góp ý để cuốn Sổ tay hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

**Hội khuyến học Việt Nam**

**VP UNESCO tại Hà Nội**

## THÔNGIỆP CỦA TỔNG THƯ KÝ HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Cuốn Sổ tay trong tay các bạn “Bình đẳng giới và lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại Trung tâm học tập cộng đồng” đề cập tới sự bình đẳng của cả hai giới, tới sự tham gia bình đẳng của cả hai giới vào các hoạt động tại TTHTCĐ. Mọi định kiến về vai trò, thiên chức, đặc điểm, tính cách ... đối với cả hai giới đều cần được quan tâm và nhận thức đầy đủ.

Trong khuôn khổ cuốn Sổ tay này, các tác giả tập trung vào vấn đề quyền bình đẳng giới tại TTHTCĐ. Điều đó có nghĩa là:

Tư tưởng, quan điểm về bình đẳng giới phải được lồng ghép vào nội dung các chuyên đề, các bài giảng sẽ tiến hành ở TTHTCĐ để học viên tại đây, kể cả nam lẫn nữ, được quán triệt tinh thần bình đẳng giới nhìn từ nhiều khía cạnh của đời sống xã hội. Mặt khác, những định kiến xã hội, những phong tục, tập quán lạc hậu và những nhìn nhận lệch lạc về vai trò và thiên chức của nam giới và nữ giới cần phải được phê phán và phải có những hành động để từng bước thay đổi những điều này. Qua đó, xây dựng nhận thức mới về bình đẳng giới trong xã hội hiện đại.

Việc học tập của người lớn tại TTHTCĐ được thực hiện đúng với quan điểm bình đẳng giới, nghĩa là ai cũng tìm được những điều kiện, những cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời tại Trung tâm trên tinh thần bình đẳng.

Các cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên tham gia giảng dạy tại TTHTCĐ... đều cần phải tôn trọng quyền học tập của mọi người, giúp học viên nữ cũng như học viên nam trở thành những “Công dân học tập”, những người lao động có nghề, có năng lực sáng tạo trong sản xuất cũng như trong hoạt động xã hội mà không bị định kiến hay phân biệt đối xử giới.

Bình đẳng giới là mục tiêu quan trọng của cuộc cách mạng văn hóa ở các quốc gia và ở chính đất nước ta.

**GS. TS. Phạm Tất Dong**

**Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Khuyến học Việt Nam**

## GIỚI THIỆU SỔ TAY

Thúc đẩy bình đẳng giới trong TTHTCĐ là một trong những giải pháp quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT nói chung và mục tiêu của các TTHTCĐ hiện nay là tạo cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người, cho mọi phụ nữ và nam giới trong cộng đồng. Tuy nhiên, kết quả khảo sát về “Các yếu tố thúc đẩy và cản trở bình đẳng giới tại TTHTCĐ” do các tư vấn và cán bộ của Trung ương Hội KHVN, với sự hỗ trợ kỹ thuật của Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, thực hiện tại 4 TTHTCĐ thuộc 2 tỉnh Hòa Bình và Thái Bình vào tháng 5 và tháng 6 năm 2016 đã phát hiện một số vấn đề sau đây:

- Cơ cấu nam, nữ trong đội ngũ cán bộ quản lý của các TTHTCĐ còn mất cân bằng (thường nam giới nhiều hơn nữ giới).
- Tỷ lệ nam, nữ học viên tham gia các hoạt động của TTHTCĐ thường mất cân bằng (hoặc là quá nhiều nam giới hoặc là quá nhiều nữ giới tham gia trong khi cả hai giới đều cần học);
- Các kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu và các báo cáo theo dõi kết quả hoạt động của các TTHTCĐ hầu như không có số liệu phân tách giới;
- Bình đẳng giới chưa được nhận thức và quan tâm triển khai một cách đầy đủ. Không ít lãnh đạo địa phương cũng như cán bộ, giáo viên của các TTHTCĐ chưa nhận thức được và chú ý tới bình đẳng giới, cho rằng không có vấn đề bất bình đẳng giới ở TTHTCĐ, hoặc nếu có thì vấn đề bất bình đẳng giới cũng không nghiêm trọng và chưa phải là vấn đề ưu tiên cần phải giải quyết;
- TTHTCĐ hiện nay mới chủ yếu quan tâm tới số lượng, đến việc vận động được càng nhiều người đến học càng tốt, mà chưa chú ý tới sự tham gia của cả hai giới;
- Một số TTHTCĐ lại chú ý quan tâm nhiều hơn tới phụ nữ mà chưa quan tâm tới sự tham gia của nam giới.

Trước thực trạng bình đẳng giới ở các TTHTCĐ như vậy, cần thiết và cấp bách phải đẩy mạnh lồng ghép giới trong TTHTCĐ, trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ nhằm bảo đảm sự tham gia của cả hai giới một cách bình đẳng và phù hợp. Tuy nhiên hiểu biết về giới, về bình đẳng giới cũng như năng lực và kỹ năng cần thiết để lồng ghép giới của các cán bộ và giáo viên tham gia giảng dạy tại các TTHTCĐ, đặc biệt đội ngũ cán bộ khuyến học cơ sở hiện nay còn nhiều hạn chế. Vì vậy Trung ương Hội KHVN đã phối hợp với Văn phòng UNESCO biên soạn Sổ tay “Bình đẳng giới và lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại Trung tâm học tập cộng đồng” nhằm góp phần thúc đẩy bình đẳng giới tại các TTHTCĐ hiện nay.

Trên cơ sở kết quả của cuộc khảo sát nói trên, nhóm tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu, đã tổ chức xin ý kiến tham vấn của các chuyên gia về giới, về TTHTCĐ trong và ngoài nước, tham khảo ý kiến của các cán bộ quản lý giáo dục và cán bộ khuyến học ở cơ sở. Sổ tay được biên soạn với tinh thần thiết thực, ngắn gọn, đơn giản, dễ vận dụng cùng với những hướng dẫn cụ thể theo từng bước, dưới dạng bảng kiểm, có gắn với ví dụ thực tiễn, hình ảnh và ví dụ minh họa để giúp người đọc dễ hiểu, dễ nhớ và nhớ lâu.

#### ▪ Mục đích của cuốn Sổ tay:

Giúp đội ngũ cán bộ khuyến học cơ sở có hiểu biết cơ bản về giới, bình đẳng giới và biết vận dụng, lồng ghép giới trong quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ, cụ thể:

- Trong các hoạt động tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức;
- Trong tập huấn/hội thảo/hội nghị/cuộc họp hoặc các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao tại TTHTCĐ;

#### ▪ Đối tượng sử dụng:

- Cán bộ khuyến học ở cơ sở: Dùng sổ tay để tham khảo hoặc kiểm tra lại mỗi khi cần thực hiện việc lồng ghép giới trong quản lý điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ.

- Cán bộ quản lý và giáo viên của các TTHTCĐ: Dùng sổ tay để vận dụng vào công tác quản lý cũng như giảng dạy của mình.
- Các cán bộ quản lý giáo dục thường xuyên: Sử dụng sổ tay để tham khảo trong quá trình triển khai công tác chỉ đạo, giám sát, đánh giá việc lồng ghép giới ở các TTHTCĐ tại địa phương của mình.

*Sổ tay này được xuất bản trong khuôn khổ Chương trình chung của LHQ về Bình đẳng Giới do UNESCO và Bộ GD&ĐT chủ trì với sự tài trợ của Quỹ Một Kế hoạch của Liên Hợp Quốc*

# PHẦN A. BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN

## I. GIỚI, GIỚI TÍNH VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

### 1. Giới và giới tính

Giới tính	Giới
Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ. (Khoản 2, Điều 5, Luật Bình đẳng giới)	Giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam giới và nữ giới trong tất cả các mối quan hệ xã hội. (Khoản 1, Điều 5, Luật Bình đẳng giới)
Bẩm sinh, được xác định từ lúc là thai nhi	Do giáo dục, quan niệm, định kiến xã hội.
Không thể chuyển đổi giữa nam và nữ	Có thể chuyển đổi giữa nam và nữ.
Không thay đổi theo thời gian	Có thể thay đổi theo thời gian, từ thế hệ này sang thế hệ khác.
Phổ biến, không thể thay đổi từ nước này sang nước khác, từ địa phương này sang địa phương khác.	Có thể thay đổi từ nước này sang nước khác, từ địa phương này sang địa phương khác.
Ví dụ: phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, từ trước tới nay, đều có thể mang thai và cho con bú bằng sữa của mình.	Ví dụ, phụ nữ có thể mạnh mẽ, quyết đoán, đá bóng. Nam giới có thể dịu dàng, khéo tay, có thể nội trợ,
	

Việc hiểu rõ sự khác nhau giữa giới và giới tính sẽ giúp hiểu rõ hơn đặc điểm giới chủ yếu là do quan niệm, định kiến xã hội và có thể thay đổi được. Bình đẳng giới vì vậy có thể tác động, có thể cải thiện.

### 2. Vai trò giới

Vai trò giới là những hoạt động/công việc mà nam giới và nữ giới thực hiện trong gia đình và ngoài xã hội. Nữ giới và nam giới đều có thể thực hiện 3 vai trò giới sau:

#### i) Vai trò sản xuất



#### ii) Vai trò tái sản xuất (Vai trò sinh sản, các công việc cơm nước, dọn dẹp và nuôi dạy con cái)



#### iii) Vai trò cộng đồng



Tuy nhiên mức độ tham gia của nam giới và nữ giới trong các loại công việc trên thường khác nhau do những quan niệm, các chuẩn mực xã hội quy định được hình thành từ trước trong gia đình, trong đời sống hàng ngày, trong học tập và trong môi trường làm việc.

Sự hiểu biết về vai trò giới cho thấy cần và có thể thiết kế/tổ chức các hoạt động sao cho cả hai giới đều có thể tham gia. Không có việc nào, không có hoạt động nào chỉ dành riêng cho nam hoặc cho nữ. Việc tổ chức các hoạt động ở TTHTCĐ cũng tương tự như vậy.

### 3. Khoảng cách giới

Khoảng cách giới là sự khác biệt về mặt xã hội có thể đo lường được giữa nam và nữ. Ví dụ, lớp học về dinh dưỡng có 50 nữ và 16 nam tham gia thì khoảng cách giới của lớp này là 34 (tức là số nữ nhiều hơn số nam là 34 người).

Khoảng cách giới thường là biểu hiện của bất bình đẳng giới. Nhờ biết được khoảng cách giới có thể xác định được tình trạng bất bình đẳng giới trong TTHTCĐ. Tuy nhiên, **không phải bất kỳ khoảng cách giới nào cũng là biểu hiện của sự bất bình đẳng giới. Chỉ những khoảng cách giới nào gây thiệt hại đến quyền lợi hoặc làm tăng trách nhiệm, nghĩa vụ của nữ giới hoặc nam giới mới bị coi là bất bình đẳng giới.**

Ví dụ chuyên đề về kế hoạch hóa gia đình có nhiều nữ hơn nam thì khoảng cách giới này làm tăng thêm trách nhiệm của nữ giới đối với kế hoạch

hóa gia đình và vì vậy có thể nói là có bất bình đẳng giới. Ngược lại, ví dụ chuyên đề về học cách trang điểm chỉ có toàn nữ tham gia thì khoảng cách giới này không ảnh hưởng đến nam giới, không làm tăng thêm trách nhiệm của nữ giới thì không thể coi là bất bình đẳng giới.



Một chuyên đề có khoảng cách giới

Khoảng cách giới được thể hiện rõ ràng hơn qua các số liệu có tách biệt giới. **Số liệu có tách biệt giới** là số liệu tách biệt nam, nữ trong các mục tiêu, chỉ tiêu, thống kê ... Các số liệu này cho thấy mức độ của các khoảng cách giới và được thể hiện dưới nhiều dạng bảng biểu khác nhau. Số liệu có tách biệt giới chỉ cho thấy sự khác biệt giữa nam và nữ mang tính định lượng bằng con số hoặc tỷ lệ cụ thể. Hiện nay, các số liệu trong các chỉ tiêu/mục tiêu hoặc trong thống kê của các TTHTCĐ thường trung tính về giới. Các TTHTCĐ hiện nay chủ yếu chỉ mới quan tâm tới số lượng, chứ chưa quan tâm tới sự tham gia của từng giới để có những điều chỉnh cần thiết.

Việc chỉ rõ số lượng nam, nữ hoặc tỷ lệ nam, nữ trong các chỉ tiêu hoặc thông

kê của TTHTCĐ là cần thiết để lãnh đạo địa phương, cán bộ và giáo viên TTHTCĐ quan tâm hơn tới việc tìm hiểu nhu cầu, mối quan tâm và điều kiện đặc thù của từng giới để có các giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp hơn trong tuyên truyền, vận động cả hai giới cùng tham gia, bảo đảm sự tham gia bình đẳng của cả hai giới.

Ví dụ, nếu chỉ tiêu nêu rõ sẽ huy động 30 người (trong đó 15 nam và 15 nữ) tham gia tập huấn về thu gom và xử lý rác thải, thì khi vận động, tổ chức hay thống kê sẽ quan tâm hơn tới sự tham gia của cả nam và nữ. Ngược lại, nếu không có chỉ tiêu cụ thể và không chủ động tách biệt giới thì khi vận động, tổ chức, thống kê chỉ quan tâm tới số lượng hoặc sẽ chỉ quan tâm vận động càng nhiều nữ tham gia càng tốt. Như vậy một cách gián tiếp đã không quan tâm tới sự tham gia học tập của nam giới hoặc ngược lại.

#### 4. Phân biệt đối xử giới

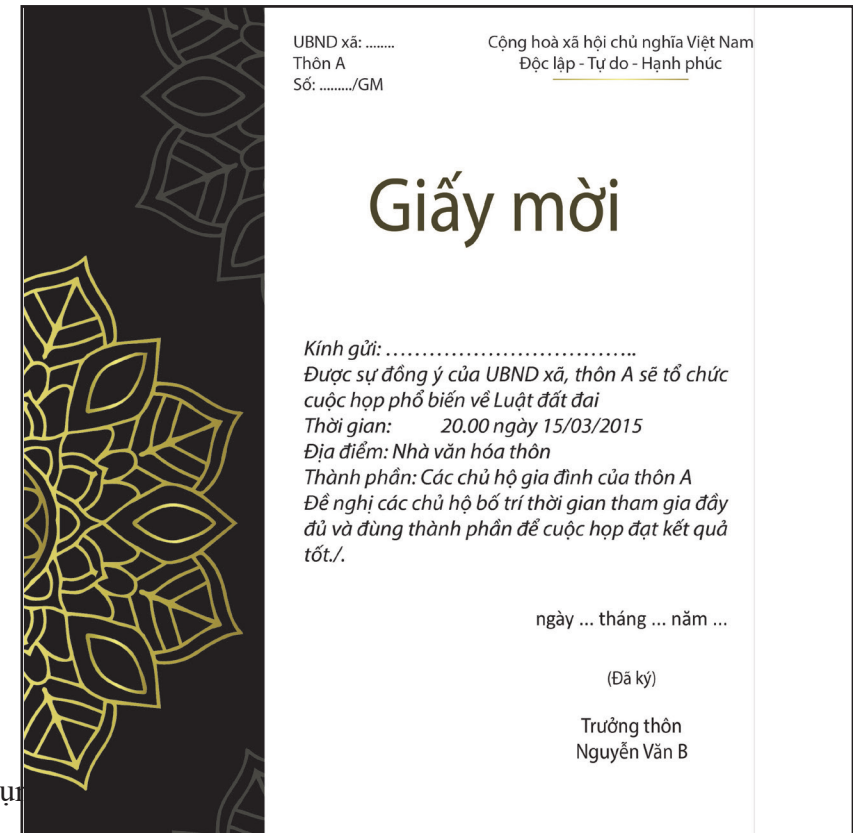
“**Phân biệt đối xử giới**” là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình (Khoản 5, Điều 5 Luật Bình đẳng giới)

Ví dụ các em gái bị phân biệt đối xử khi không được khuyến khích học những môn được cho là chỉ dành cho nam (chẳng hạn như các lớp hàn, tiện, mộc, cơ khí ...). Các em trai có thể bị trêu chọc, chế diễu, bị phân biệt đối xử tương tự như vậy khi các em có nguyện vọng học các ngành được cho là “nữ tính” (ví dụ các lớp học y tá, điều dưỡng, cô nuôi dạy trẻ ...)

Thường có 2 loại phân biệt đối xử. Đó là:

- **Phân biệt đối xử trực tiếp:** là việc loại trừ một trong hai giới được ghi trong văn bản như pháp luật, qui tắc, quyết định hay trong các thông báo, giấy mời. Ví dụ, trong thông báo tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp chỉ tuyển nam giới hoặc chỉ nữ giới cho một công việc nào đó (cần tuyển 20 nữ công nhân may công nghiệp; 02 kế toán nữ và 01 kỹ sư công nghệ thông tin là nam giới)
- **Phân biệt đối xử gián tiếp:** Phân biệt đối xử gián tiếp khi có thực tiễn, chính sách hoặc quy định áp

cùng một cách như nhau nhưng nó gây bất lợi hơn đối với một giới so với giới kia. Mặc dù không ghi trong văn bản, quyết định nhưng sự loại trừ, không công nhận hoặc không khuyến khích một trong hai giới diễn ra trong quá trình triển khai thực hiện các quyết định, văn bản đó. Ví dụ trong giấy mời sau đây của Trưởng thôn chỉ mời chủ hộ tham gia tập huấn về Luật đất đai (theo giả định: trên thực tế, chủ hộ của thôn A dưới đây phần đông là nam giới).





## 5. Định kiến giới

**Định kiến giới** là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ (Khoản 4, Điều 5, Luật Bình đẳng giới).

Ví dụ quan niệm cho rằng “Đàn ông nông nổi giồng khơi, đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu” hoặc “Phụ nữ phải thùy my, nết na, phải biết nữ công gia chánh, nội trợ giỏi, phải biết hy sinh cho chồng con”, “Đàn ông phải mạnh mẽ, quyết đoán, chủ động, phải là người kiếm tiền, người chủ gia đình” v.v... là những định kiến giới hoặc những nhận thức, thái độ và đánh giá không đúng về đặc điểm, vai trò, năng lực của nữ giới và nam giới.

Định kiến giới chịu ảnh hưởng của khuôn mẫu giới. **Khuôn mẫu giới** là “sự khái quát hóa giản đơn về đặc điểm, tính cách, vai trò, của các cá nhân hoặc nhóm người dựa trên giới tính của họ” (Hướng dẫn về bình đẳng giới đối với các ấn phẩm của UNESCO – 2012). Các khuôn mẫu có thể là tích cực hoặc tiêu cực nhưng thường là những định hướng, giá trị, mong đợi không đúng đối với những hành vi và chuẩn mực đối với trẻ em trai và trẻ em gái, đối với nam và nữ. Những khuôn mẫu này được hình thành từ thể hệ này sang thể hệ khác, được củng cố, khắc sâu qua giáo dục, tuyên truyền khắp mọi nơi (ở nhà, trong sách giáo khoa, trên phương tiện truyền thông, trong cộng đồng...) và đi vào tiềm thức của từng cá nhân một cách từ từ, tự nhiên. Một đứa trẻ từ khi còn nhỏ đã được giáo dục để trở thành nam và nữ theo những chuẩn mực, hành vi mà xã hội mong

đợi đối với nam và nữ. Ví dụ con gái phải dịu dàng, con trai phải mạnh mẽ; Con gái thường được khuyến khích chơi búp bê, nấu ăn, làm cô giáo ...



còn con trai thường được khuyến khích chơi rô-bốt, máy bay, xe tăng v.v...



Trong các hình ảnh, tài liệu truyền thông và ngay cả trong sách giáo khoa, phụ nữ và các bé gái thường minh họa làm các công việc như nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ ...

Nếu trẻ em trai, trẻ em gái đều được khuyến khích làm việc nhà ngay từ bé

như những hình ảnh minh họa dưới đây sẽ tạo khuôn mẫu tích cực, hạn chế định kiến giới về “thiên chức nội trợ” chỉ dành cho phụ nữ và trẻ em gái. Định kiến giới gây bất lợi cho cả nam và nữ, là một trong những nguyên nhân gốc rễ của phân biệt đối xử giới và bất bình đẳng giới, đã và đang hạn chế phụ nữ hoặc nam giới tham gia vào những công việc mà họ có khả năng hoàn thành một cách dễ dàng như Chủ tịch UBND của một xã khảo sát đã chia sẻ “Một số nam giới muốn giúp vợ nhưng lại sợ mọi người chế giễu ...”.



Định kiến giới gây bất lợi cho cả nam và nữ, là một trong những nguyên nhân gốc rễ của phân biệt đối xử giới và bất bình đẳng giới, đã và đang hạn chế phụ nữ hoặc nam giới tham gia vào những công việc mà họ có khả năng hoàn thành một cách dễ dàng như Chủ tịch UBND của một xã khảo sát đã chia sẻ “Một số nam giới muốn giúp vợ nhưng lại sợ mọi người chế giễu ...”.

Định kiến giới đã và đang ảnh hưởng tới việc tham gia học tập tại TTHTCĐ của cả hai giới. Một số chuyên đề cần thiết cho cả nam và nữ (ví dụ chuyên đề dân số và kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm, thu gom rác thải, giới và bình đẳng giới ....) nhưng

nam giới lại ngại không muốn tham gia hoặc nhiều TTHTCĐ không mời nam giới vì nghĩ rằng các chuyên đề này phù hợp hơn đối với nữ. Ngược lại một số chuyên đề khác nữ lại ngại tham gia hoặc TTHTCĐ chỉ tổ chức cho nam giới như lớp sửa chữa xe máy, điện lạnh ... Một nam nông dân tại xã khảo sát đã tâm sự “*Anh em chúng tôi cũng muốn đến nghe về chăm sóc sức khỏe sinh sản nhưng cứ ngại ngại thế nào ấy*”.

Tuy nhiên, phụ nữ thường bị nhiều thiệt thòi hơn bởi những định kiến về vai trò và thiên chức của phụ nữ trong gia đình.



*Định kiến giới về vai trò của nữ giới và nam giới trong gia đình*

Chủ tịch Hội phụ nữ của một xã khảo sát đã chia sẻ “*Học chuyên đề tại TTHTCĐ là vấn đề gặp rất nhiều rào cản. Cơ bản là rào cản đối với những người phụ nữ. Gia đình, họ hàng của họ cho rằng đã lấy chồng rồi thì phải phục vụ mọi việc trong gia đình. Họ quan niệm đàn ông mới là trụ cột gia đình, là người quyết định về kinh tế và phát triển kinh tế, còn phụ nữ đã lập gia đình rồi thì học cũng không để làm gì nữa, mà nhiệm vụ chính là chăm lo*

cho gia đình, quán xuyến mọi việc nội trợ trong gia đình nên vấn đề đi học không quan trọng đối với phụ nữ”. Ý kiến của chị chủ tịch Hội nông dân của một xã khảo sát cũng phản ánh định kiến về thiên chức của phụ nữ cho rằng “Người phụ nữ vẫn được chồng tạo điều kiện thuận lợi cho mình đi học, nhưng mình phải đảm đương, sắp xếp được các công việc nội trợ, chăm sóc con cái của bản thân mình. Miễn là mình bố trí làm sao hợp lý là các anh cho đi thôi”.

## II. BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ CÔNG BẰNG GIỚI

### 1. Bình đẳng giới

“**Bình đẳng giới**” là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình. Nam và nữ có quyền thụ hưởng như nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình (Khoản 3, Điều 5 Luật Bình đẳng giới).

Theo Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục (GENIA Toolkit, UNESCO-2009), “Bình đẳng giới là nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy đầy đủ quyền con người và năng lực của mình cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó”.

Như vậy:

- Bình đẳng giới không có nghĩa là nữ giới và nam giới phải trở

thành như nhau, mà các quyền, trách nhiệm và các cơ hội của họ không phụ thuộc vào họ sinh ra là nam giới hay nữ giới.

- Bình đẳng không có nghĩa là như nhau, bằng nhau. Bình đẳng giới không có nghĩa là nam giới và nữ giới giống nhau, mà là các đặc điểm giống nhau và khác biệt giữa nam giới và nữ giới được công nhận và có giá trị như nhau.
- Bình đẳng giới không chỉ đơn giản là số lượng của nữ giới và nam giới hay trẻ em trai và trẻ em gái tham gia trong tất cả các hoạt động như nhau.
- Bình đẳng giới xem xét bình đẳng đối với cả hai giới, chứ không chỉ xem xét bình đẳng đối với nữ giới.

Khi nói về bình đẳng giới, không có nghĩa chỉ giới hạn sự bình đẳng trong phạm vi khung pháp lý hoặc sự bình đẳng về cơ hội mà là sự bình đẳng trong thực tế cuộc sống hàng ngày. Cơ hội và điều kiện có thể ngang nhau nhưng nữ giới hoặc nam giới không thể tận dụng được các cơ hội đó do chưa phù hợp với nhu cầu và điều kiện đặc thù của mỗi giới. Tổ chức một lớp học hoặc một chuyên đề ở TTHTCD nếu không tính đến nhu cầu, mối quan tâm và điều kiện riêng biệt của từng giới (tức là chỉ đảm bảo cơ hội đi học như nhau) hoặc chỉ phù hợp với nhu cầu và điều kiện của một giới thì sự tham gia của cả hai giới hoặc của giới kia sẽ bị hạn chế. Tức là về thực chất vẫn còn bất bình đẳng về giới.



Nam giới và nữ giới cùng tham gia thảo luận

### 2. Công bằng giới

- “Công bằng giới” là sự đối xử hợp lý với nam và nữ. Để đảm bảo công bằng, cần có các biện pháp khắc phục những yếu tố bất lợi ngăn không cho nữ giới và nam giới có vị thế bình đẳng với nhau” (GENIA toolkit, UNESCO 2009).
- Muốn đảm bảo sự công bằng về cơ hội cho nữ giới và nam giới, cần xét đến sự khác biệt giữa hai giới về đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội.
- Công bằng không có nghĩa là “cào bằng”, là “bình quân”.



Ví dụ minh họa này cho thấy nếu chỉ tạo điều kiện như nhau (hoặc là cốc hoặc là đĩa) mà không tính đến sự khác biệt về đặc điểm giữa cò và cáo thì hoặc là cáo hoặc là cò về thực chất không tận dụng được cơ hội đó, không thể ăn được.



Ngược lại để tạo điều kiện, cơ hội thực sự thì phải tính đến sự khác biệt, phải tạo cơ hội khác nhau, tức là phải cho cò cái cốc và cho cáo cái đĩa.



### 3. “Bình đẳng giới” và “Công bằng giới”

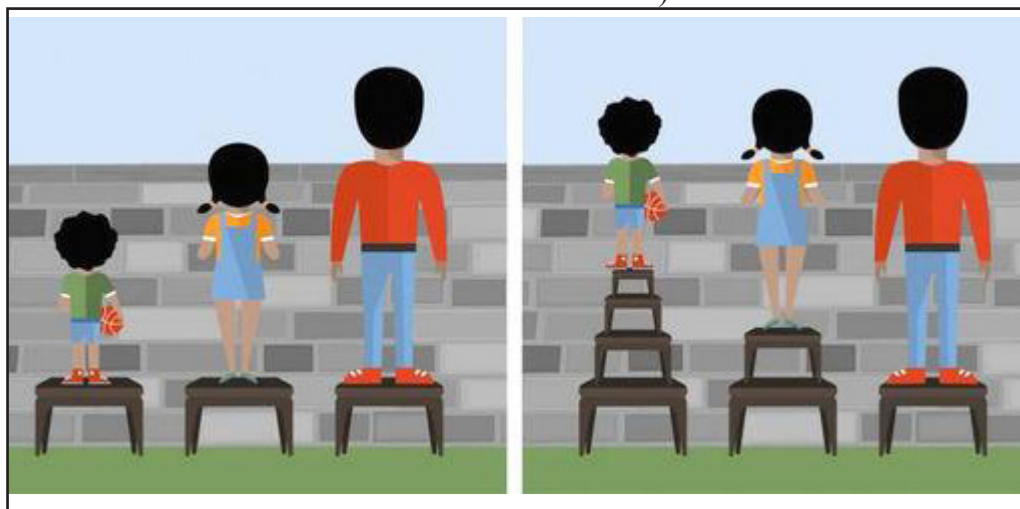
“Bình đẳng giới” và “Công bằng giới” là hai khái niệm có liên quan chặt chẽ với nhau và vì vậy hay bị nhầm lẫn.

“Bình đẳng giới” là mục đích cuối cùng mà xã hội và cộng đồng cùng hướng tới. Còn “Công bằng giới” là phương tiện, điều kiện để đạt bình đẳng giới hay nói cách khác công bằng góp phần

tạo nên bình đẳng.

Nếu không có sự đối xử hợp lý với nam và nữ dựa trên sự thừa nhận các khác biệt về giới tính nhằm bảo đảm cho nam và nữ có cơ hội và điều kiện tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng thì không thể có bình đẳng về thực chất.

Ví dụ, muốn tạo điều kiện cơ hội học tập thực sự cho phụ nữ thì lớp học phải gần, thuận tiện, nhất là vùng miền núi như kinh nghiệm mở các Câu lạc bộ phát triển cộng đồng, các nhóm sở thích tại các thôn/bản của tỉnh Hòa Bình. Hoặc với những nam giới phải đi làm xa, tối hoặc cuối tuần mới về thì phải mở lớp vào buổi tối hoặc thứ 7, chủ nhật (như kinh nghiệm của tỉnh Thái Bình).



## PHẦN B. LÒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG

### I. MỤC TIÊU, TẦM QUAN TRỌNG VÀ CÁC NỘI DUNG/HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG CẦN ĐƯỢC LÒNG GHÉP GIỚI

**Lòng ghép giới** là quá trình đánh giá các tác động đối với nữ giới và nam giới trong bất kỳ hành động theo kế hoạch, bao gồm cả pháp luật, chính sách, chương trình, trong tất cả các lĩnh vực và ở mọi cấp độ. Đó là một chiến lược nhằm đưa mối quan tâm và kinh nghiệm của nữ giới cũng như của nam giới vào quá trình thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội để nữ giới và nam giới được hưởng lợi bình đẳng và xóa bỏ được bất bình đẳng giới (“Tài liệu Hướng dẫn về bình đẳng giới cho các ấn phẩm của UNESCO, 2012)

- Lòng ghép giới là một biện pháp được chấp nhận trên toàn cầu để thúc đẩy bình đẳng giới;
- Lòng ghép giới không phải là một mục tiêu, mà là một chiến lược, một cách thức để đạt được mục tiêu bình đẳng giới.

#### 1. Mục tiêu của lòng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCD

Lòng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCD nhằm bảo đảm nhu cầu học tập và mối quan tâm của nam giới và nữ giới đều được đáp ứng và bảo đảm cho cả hai giới đều được tham gia học tập tại TTHTCD.



*Phần B: Lòng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng*

## 2. Tầm quan trọng của lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ

Hiện nay, sự tham gia học tập của cả nam và nữ tại TTHTCĐ còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, tỉ lệ tham gia của nam và nữ còn có sự chênh lệch trong các hoạt động khác nhau. Một số chuyên đề chủ yếu chỉ có nam giới tham gia. Ngược lại một số chuyên đề khác chủ yếu chỉ có nữ giới tham gia trong khi nội dung các chuyên đề đó đều cần cho cả nam và nữ. Ở nhiều TTHTCĐ hiện nay, học viên chủ yếu phụ nữ vì cho rằng phụ nữ là nhóm đối tượng thiệt thòi hơn, cần được quan tâm hơn. Hơn nữa, nhiều chương trình, dự án hiện nay ở các địa phương phần lớn tập trung vào phụ nữ và do Hội phụ nữ chủ trì thực hiện nên cũng chỉ tập trung sự quan tâm cũng như kinh phí cho phụ nữ.

Lồng ghép giới trong quản lý, điều hành TTHTCĐ, trong công tác tuyên truyền, vận động và trong tổ chức tập huấn/hội thảo/các cuộc họp hoặc trong các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao tại TTHTCĐ là cần thiết nhằm đảm bảo cả hai giới đều được quan tâm, đều được tạo các điều kiện phù hợp để tham gia vào các hoạt động tại TTHTCĐ, đáp ứng đúng nhu cầu, mối quan tâm của cả hai giới.

Lồng ghép giới còn là trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố như Khoản 3 Điều 5, Nghị định số 70/2008/NĐ-CP đã xác định “Lồng ghép giới vào việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố”.

Lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ là cần thiết và cấp bách nhằm góp phần thực hiện mục tiêu Giáo dục cho mọi người, góp phần thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của TTHTCĐ là tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân ở cộng đồng: mọi giới, mọi độ tuổi, mọi trình độ.

## 3. Các nội dung/hoạt động tại TTHTCĐ cần được lồng ghép giới

Nói chung tất cả các nội dung/hoạt động tại TTHTCĐ đều cần được lồng ghép giới. Tuy nhiên các nội dung/hoạt động sau cần được ưu tiên quan tâm:

- Quản lý, điều hành TTHTCĐ (bao gồm lập kế hoạch; Tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch; Giám sát-kiểm tra việc thực hiện kế hoạch)
- Tổ chức, triển khai các hoạt động cụ thể tại TTHTCĐ (hoạt động tuyên

truyền, vận động, tổ chức tập huấn, hội thảo, hội nghị, cuộc họp, các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao v.v...);

## II. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG

Trong quản lý, điều hành TTHTCĐ cần lồng ghép giới vào các khâu sau:

1. Xây dựng kế hoạch

2. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch

3. Giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch

### 1. Lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch

Xây dựng kế hoạch tháng/quý/năm của TTHTCĐ cần tiến hành theo các bước sau đây:

#### Bước 1: Phân tích giới

- Thu thập thông tin về hai giới (Số lượng, đặc điểm đặc thù của hai giới, vị trí, vai trò, sự tham gia, quyền quyết định, cơ hội tiếp cận thông tin/nguồn lực/dịch vụ của hai giới tại địa phương);
- Xác định sự bất bình đẳng hoặc phân biệt đối xử, đặc biệt trong tiếp cận/tham gia học tập tại TTHTCĐ của hai giới;
- Phân tích các nguyên nhân dẫn đến các bất bình đẳng/phân biệt đối xử đó. Có thể nguyên nhân chủ quan từ chính bản thân nữ giới hoặc nam giới hoặc nguyên nhân khách quan từ phía gia đình, xã hội (quan niệm, định kiến, phong tục, tập quán địa phương; nhận thức của gia đình, cộng đồng làng xóm; sự quan tâm, chính sách hỗ trợ của lãnh đạo địa phương, các ban ngành, đoàn thể; hiểu biết và năng lực về giới, về bình đẳng giới và lồng ghép giới của đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương và TTHTCĐ; hoặc các yếu tố liên quan tới cơ sở



*Phần B: Lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng*

vật chất, hạ tầng ...)

*Ví dụ 1:* Biểu tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu, có phân tích dưới góc độ giới.

**Bước 2: Xác định mục tiêu, chỉ tiêu (kết quả đầu ra) của kế hoạch phù hợp với nhu cầu và vấn đề của cả hai giới đã được xác định**

- Trên cơ sở các thông tin thu được từ bước 1, nhóm cán bộ xây dựng kế hoạch tiến hành thảo luận, xác định các vấn đề ưu tiên để đưa vào kế hoạch, trong đó bao gồm các ưu tiên về vấn đề liên quan đến giới và bình đẳng giới;
- Xác định các mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp nhằm giải quyết các vấn đề đã được xác định;

*Lưu ý:* Các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phải quy định rõ số lượng nam, nữ hoặc tỷ lệ nam/nữ cần được huy động.

**Bước 3: Xác định các hoạt động sẽ triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu và vấn đề của hai giới**

- Xác định các hoạt động/chuyên đề cần và có thể triển khai trong tháng/quý/năm phù hợp nhu cầu, vấn đề của hai giới (Lưu ý, khi nguồn lực hạn chế cần cân nhắc lựa chọn những nhu cầu, vấn đề bức xúc nhất của hai giới. Ngoài ra cũng cần lưu ý tới yêu cầu phát triển bền vững của địa phương để bảo đảm tính khả thi - yêu cầu phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội và bảo vệ môi trường).



- Xác định và lựa chọn cách thức phù hợp để thực hiện từng hoạt động đã xác định (bao gồm hình thức tổ chức, địa điểm, thời gian ...) để cả nam và nữ đều có thể tham gia.
- Xác định các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) cần thiết để thực hiện từng hoạt động đã xác định (Người/đơn vị phụ trách? Nguồn kinh

phí? Báo cáo viên/hướng dẫn viên? Tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết? ...)

*Lưu ý:* Khi xây dựng kế hoạch, cần quán triệt một số nguyên tắc sau đây:

- Bảo đảm đáp ứng nhu cầu của cả hai giới;
- Bảo đảm sự tham gia của cả hai giới;
- Bảo đảm sự liên kết và phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể, chương trình, dự án ở địa phương trong suốt quá trình lập kế hoạch;
- Bảo đảm sự linh hoạt;
- Bảo đảm tính hiệu quả và bền vững;
- Đảm bảo nguồn lực cần thiết.

Các kết quả đầu ra và hoạt động đã được xác định cần được đưa vào biểu mẫu kế hoạch tháng/quý/năm, trong đó cần thể hiện rõ các nội dung liên quan (Đối tượng nam? nữ?; Thời gian?; Địa điểm? Phụ trách/phối hợp?; Nguồn lực cần thiết? Kinh phí?; Tài liệu?; Giáo viên/hướng dẫn viên ...)

*Ví dụ 2:* Biểu mẫu xác định biện pháp can thiệp (theo khung lô-gic)

*Ví dụ 3:* Biểu mẫu kế hoạch tháng/quý/năm của TTHTCD

## 2. Lồng ghép giới trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch

Căn cứ vào kế hoạch đã được xây dựng và phê duyệt, tiến hành thực hiện các hoạt động, các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch để bảo đảm sự tham gia của cả hai giới và phù hợp với nhu cầu và vấn đề của hai giới đã được xác định.

Trong quá trình thực hiện, cần lưu ý phối hợp chặt chẽ với các đơn vị/tổ chức/cá nhân có liên quan, trên cơ sở vai trò và nhiệm vụ đã được xác định trong kế hoạch, nhằm huy động sự tham gia và phát huy tối đa các nguồn lực hiện có và các nguồn lực bổ sung.

## 3. Lồng ghép giới trong giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch

Việc giám sát, đánh giá cần được thực hiện song song và xuyên suốt trong quá trình triển khai các hoạt động đã đề ra trong kế hoạch.

Để có thể thực hiện việc này tốt, bản kế hoạch nên được xây dựng theo biểu mẫu khung lô-gic (như ví dụ 2 và 3). Có như vậy, các cán bộ phụ trách giám sát, đánh giá mới có đủ các bằng chứng so sánh, nhằm kiểm chứng và đánh

giá chính xác việc thực hiện kế hoạch, đảm bảo tính công khai và dễ thực hiện.

Trên cơ sở kết quả giám sát và đánh giá, cần thực hiện cơ chế báo cáo định kỳ (hàng quý) và đột xuất, nhằm đảm bảo các kết quả giám sát và đánh giá tới được lãnh đạo địa phương, tới Ban giám đốc TTHTCĐ, cũng như tới người dân một cách chính xác, kịp thời nhằm tăng cường và thúc đẩy thông tin hai chiều, tôn trọng tiếng nói và sự tham gia của người dân trong các hoạt động của TTHTCĐ.



Trong báo cáo, cần đưa ra các đề xuất, khuyến nghị đối với lãnh đạo địa phương hoặc Ban giám đốc TTHTCĐ.

*Ví dụ 4:* Đề cương báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất và khuyến nghị.

### III. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG

#### 1. Lồng ghép giới trong công tác tuyên truyền, vận động tại TTHTCĐ

##### **Bước 1:** Phân tích giới (Tìm hiểu nhu cầu, vấn đề, khó khăn của hai giới)

Việc thu thập thông tin, phân tích giới có ý nghĩa quan trọng đảm bảo công tác tuyên truyền, vận động phù hợp và có hiệu quả đối với hai giới, bảo đảm cả hai giới đều tham gia các hoạt động/lớp học/chuyên đề tại TTHTCĐ phù hợp với nhu cầu và mối quan tâm của hai giới. Cụ thể:

##### a. Thu thập thông tin về đối tượng cần phải tuyên truyền, vận động

- Là nam hay là nữ? Chủ yếu ở độ tuổi nào?
- Công việc hiện nay của hai giới là gì? Có gì khác nhau?
- Hoàn cảnh gia đình, điều kiện của hai giới ra sao? Có gì khác nhau?
- Nhu cầu, mối quan tâm, cũng như đặc điểm tâm lý, suy nghĩ, trình độ của hai giới là gì? Có gì khác nhau cần phải lưu ý khi tuyên truyền, vận động? (Ví dụ nam giới thường tự tôn cho rằng mình đã biết hết cả rồi không cần học nữa. Ngược lại nữ giới thường mặc cảm, tự ti, an phận cho rằng có chồng con rồi, không cần học nữa ...)

##### b. Tìm hiểu nhận thức của đối tượng cần tuyên truyền, vận động về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc học và về TTHTCĐ

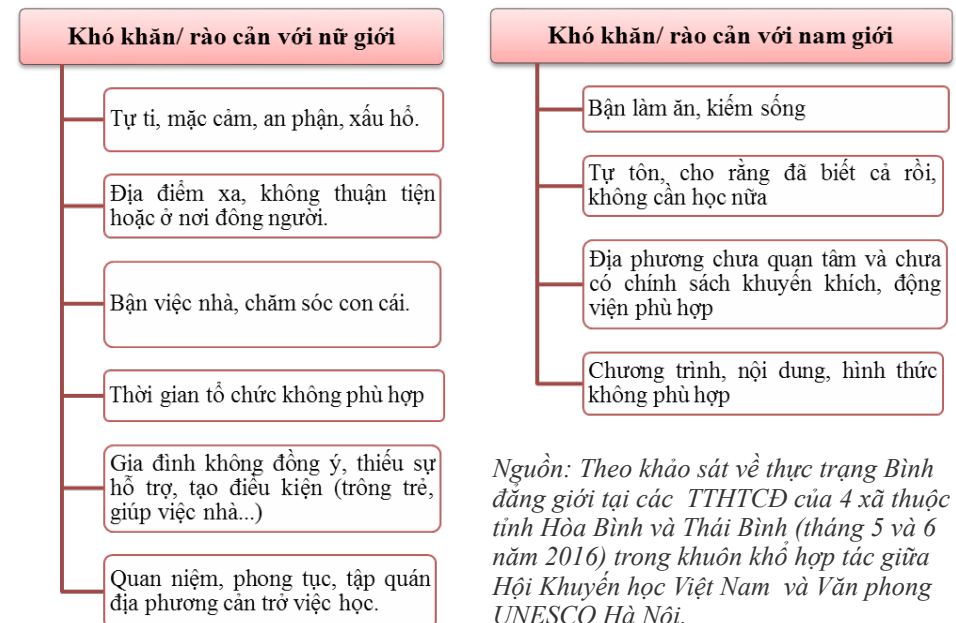
- Nhận thức thái độ của hai giới như thế nào về tầm quan trọng của việc học đối với bản thân, gia đình và cộng đồng?
- Hiểu biết của hai giới về chức năng, nhiệm vụ và vai trò của TTHTCĐ? Thái độ và sự quan tâm của họ đối với TTHTCĐ ...

##### c. Tìm hiểu những khó khăn, rào cản đặc thù đối với nam giới hoặc với nữ giới khi tham gia học tập tại TTHTCĐ

- Khó khăn, rào cản đặc thù đối với việc tham gia học tập tại TTHTCĐ của nam giới và nữ giới là gì?

Việc thu thập thông tin về người cần được truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức có thể tiến hành bằng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau (qua trao đổi với các ban ngành, đoàn thể, lãnh đạo địa phương, thôn/xóm/tổ dân phố hoặc qua hàng xóm ... hoặc qua phỏng vấn, khảo sát, qua tọa đàm trực tiếp với đối tượng). Nội dung khảo sát, phỏng vấn nên đơn giản để thu thập thông tin nhanh và cần thiết nhất về đối tượng trước khi tổ chức tuyên truyền, vận động.

Khi thu thập thông tin về đối tượng, cần phân biệt khó khăn/rào cản đối với nam giới hoặc với nữ giới để có nội dung và phương pháp tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới. Các khó khăn/ rào cản đối với nam giới và nữ giới khi tham gia học tập tại TTHTCĐ có thể là:



*Nguồn: Theo khảo sát về thực trạng Bình đẳng giới tại các TTHTCĐ của 4 xã thuộc tỉnh Hòa Bình và Thái Bình (tháng 5 và 6 năm 2016) trong khuôn khổ hợp tác giữa Hội Khuyến học Việt Nam và Văn phòng UNESCO Hà Nội.*

## ***Bước 2: Xây dựng kế hoạch lồng ghép giới trong công tác tuyên truyền, vận động tại TTHTCĐ***

Dựa trên kết quả phân tích nhu cầu của nam và nữ, lồng ghép giới trong công tác tuyên truyền, vận động cần xác định rõ một số vấn đề sau:

- ✓ **Nội dung tuyên truyền, vận động** (Tuyên truyền cái gì đối với nam và đối với nữ sẽ phù hợp?)
- ✓ **Hình thức và phương pháp tuyên truyền, vận động** (Hình thức, phương pháp nào phù hợp và hiệu quả đối với nam hoặc đối với nữ?)
- ✓ **Thời gian tuyên truyền, vận động** (Thời gian nào trong năm phù hợp? Thời gian nào trong ngày phù hợp với nam hoặc với nữ để tuyên truyền, vận động có hiệu quả)
- ✓ **Địa điểm tuyên truyền, vận động** (Địa điểm nào thích hợp đối với nam và nữ?)
- ✓ **Cá nhân/đơn vị phụ trách** (Cá nhân/đơn vị nào có uy tín, có khả năng tuyên truyền, vận động đối với nam hoặc đối với nữ)
- ✓ **Tài liệu** (Tài liệu ở đâu? Tài liệu nào phù hợp với nam hoặc nữ?)
- ✓ **Kinh phí** (Kinh phí cần bao nhiêu? Từ nguồn nào?)
- ✓ **Số lượng người cần tuyên truyền, vận động** (cần đặt chỉ tiêu ít nhất là bao nhiêu % nam hay nữ cần tuyên truyền, vận động để đạt được cân bằng giới)

### ***a. Xác định nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp đối với từng giới***

Từ kết quả phân tích giới, kết quả thu thập thông tin về đối tượng, cần chuẩn bị nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với vấn đề, nhu cầu, đặc điểm tâm lý của từng giới, với những vấn đề mà nam giới hoặc nữ giới hiểu chưa đúng, chưa đầy đủ, chưa chính xác. Để tăng tính thuyết phục cần sưu tầm, thu thập dẫn chứng, minh họa từ báo đài, tốt nhất từ người thật, việc thật ở địa phương. Chú ý tính bảo thủ, gia trưởng, tự tôn, sĩ diện của nam giới, tính tự ti, mặc cảm, an phận của phụ nữ để chuẩn bị nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp.

### ***b. Xác định hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới***

Tùy theo tình huống cụ thể, có thể lựa chọn một trong các hình thức sau đây để tuyên truyền, vận động sao cho phù hợp với từng giới:

- Tuyên truyền miệng;
- Tuyên truyền thông qua sinh hoạt chi hội, tổ hội, qua các câu lạc bộ;
- Các tài liệu in ấn như: áp phích, thẻ dùng cho thảo luận...;
- Tuyên truyền thông qua sử dụng hệ thống thông tin đại chúng: Ti vi, đài phát thanh địa phương;
- Tuyên truyền thông qua hoạt động thư viện, sách báo, tranh ảnh, TTHTCĐ, nhà văn hóa, câu lạc bộ...; các hình thức trực quan như khẩu hiệu, pano, áp phích, tờ rơi;
- Tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, qua tổ chức các lễ hội truyền thống ở địa phương...
- Tuyên truyền thông qua tham quan thực tế, báo cáo điển hình, học tập gương người tốt, việc tốt.
- Tuyên truyền kết hợp với các cuộc họp của bản làng, thôn xóm và các sự kiện được tổ chức tại cộng đồng...

**Lưu ý:** Trong các tài liệu tuyên truyền, vận động cần đảm bảo sự hiện diện của hai giới. Bên cạnh đó, cần xây dựng các hình ảnh tích cực có sự hiện diện của cả hai giới; tránh những hình ảnh phân biệt giới và bất bình đẳng giới. Các thông điệp được đưa ra trong tuyên truyền, vận động cần thể hiện quan điểm ủng hộ bình đẳng giới.

### ***c. Xác định phương pháp tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới***

Về phương pháp, có thể lựa chọn một hoặc kết hợp các phương pháp sau để tuyên truyền, vận động phù hợp và có hiệu quả đối với từng giới.

#### ***- Phương pháp thuyết phục***

Là phương pháp dùng lý lẽ, các luận cứ, luận chứng để hình thành ở nam giới hoặc nữ giới một quan điểm, thái độ mới hoặc có thể thay đổi quan điểm, thái độ của nam giới hoặc nữ giới đối với việc tham gia học tập tại TTHTCĐ. Phương pháp này có tác dụng to lớn, ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ đến hiệu quả tuyên truyền bởi thuyết phục tốt sẽ làm cho nam giới hoặc nữ giới tự giác phân khởi tin theo và có hành động tự giác, đạt được hiệu quả cao.



***Phần B: Lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng***

### **- Phương pháp nêu gương**

Là phương pháp sử dụng những sự việc, gương học tập tại TTHTCĐ có tác dụng, hiệu quả ở ngay địa phương. Phương pháp này có tính thuyết phục cao vì được trực tiếp mắt thấy tai nghe và vì vậy dễ thay đổi, làm theo.

### **- Phương pháp ám thị**

Được sử dụng trong các hình thức tuyên truyền, cổ động có sử dụng các hình vẽ, tranh ảnh, panô, áp phích, quảng cáo... Khi áp dụng phương pháp này cán bộ tuyên truyền cần chú ý sử dụng hình ảnh biểu tượng, biểu trưng tạo ra ấn tượng mạnh mẽ để dễ nhớ, dễ hiểu. Cần tránh các hình ảnh, minh họa định kiến giới về vai trò, thiên chức của hai giới, về đặc điểm, tính cách của hai giới.

#### **d. Xác định thời gian và địa điểm tuyên truyền, vận động thích hợp với từng giới**

##### **- Về thời gian tuyên truyền, vận động**

- Trước hết, cần thống nhất với các nhóm đối tượng (Nam hoặc nữ) về thời gian tuyên truyền, vận động (Lúc nào tuyên truyền, vận động tập trung? Lúc nào tuyên truyền, vận động ở các nhóm? Khi nào xuống tận cộng đồng để tuyên truyền, vận động? ...).
- Việc sắp xếp, bố trí thời gian tuyên truyền nhất thiết phải quan tâm tới hoàn cảnh, điều kiện đặc thù của mỗi giới (có thể liên tục hoặc không liên tục, cả ngày hay nửa ngày, ban ngày hay buổi tối...)
- Thời gian cho một đợt tuyên truyền nên diễn ra trong một buổi và kéo dài không quá 2 - 3 ngày. Nếu có nhiều nội dung có thể chia thành nhiều đợt.

##### **- Về địa điểm tuyên truyền, vận động**

- Địa điểm tuyên truyền, vận động nhất thiết phải gần, thuận tiện để mọi người dân có thể tham gia.
- Địa điểm nên rộng rãi, thoáng mát, có bàn ghế, thiết bị âm thanh, ánh sáng...

#### **e. Xác định các yếu tố có tác động tích cực và tiêu cực đến hiệu quả của tuyên truyền, vận động**

Phân công/lựa chọn cá nhân/đơn vị chịu trách nhiệm tuyên truyền vận động? (Cá nhân/đơn vị nào có uy tín, có khả năng tuyên truyền, vận động đối với nam giới

hoặc đối với nữ giới?)

Tránh các hình thức tổ chức hoạt động mang tính chất dập khuôn mẫu giới hoặc định kiến giới. Ví dụ múa hát chỉ có phụ nữ; biểu diễn võ thuật chỉ có nam giới; tổ chức các cuộc thi nấu ăn, các khóa tập huấn về nuôi dạy con hoặc mít tinh kỷ niệm ngày quốc tế phụ nữ thì chỉ mời nữ, không mời nam; các khóa học về kỹ năng sống (phòng tránh đuối nước, xử lý khi bị điện giật...) thì chỉ mời nam giới.

### **Bước 3: Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động tại TTHTCĐ**

#### **• Lưu ý:**

- Đảm bảo triển khai và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động đã được lên kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian.
- Tạo điều kiện để cả nam và nữ có cơ hội bình đẳng trong việc tham gia, có tiếng nói trong các hoạt động tuyên truyền, vận động.
- Trước và sau các hoạt động tuyên truyền, vận động, cần có phiếu đánh giá (phát tới người tham dự), nhằm có sự đối chiếu thông tin trước và sau, thông qua đó, có sự ghi nhận về những thay đổi cũng như các ý kiến phản hồi của người tham dự một cách đầy đủ và kịp thời;
- Lập danh sách học viên tham gia (phải ghi rõ giới tính, độ tuổi để sau này có số liệu cho thống kê, báo cáo chung cuối năm).

### **Bước 4: Theo dõi, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của tuyên truyền, vận động**

- Ghi vào sổ theo dõi kết quả các hoạt động tuyên truyền, vận động đã triển khai.
- Việc theo dõi, kiểm tra được thực hiện thường xuyên theo từng mảng chủ đề của hoạt động tuyên truyền, vận động kèm theo có những chỉ đạo cụ thể theo từng thời điểm tuyên truyền, vận động.





- Thực hiện định kỳ việc đánh giá kết quả tuyên truyền, vận động; đồng thời đề xuất các giải pháp khắc phục những tồn tại và liên tục cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, vận động tại TTHTCĐ.
- Xây dựng báo cáo kết quả sau các hoạt động tuyên truyền, vận động. Báo cáo cần có các khuyến nghị, đề xuất.
- Gửi báo cáo tới các cá nhân, đơn vị có thẩm quyền để thông tin kịp thời, cũng như có những tác động cần thiết.

*Vi dụ 5:* Phong trào “*Tiếng keng, tiếng trống khuyến học*” tại TTHTCĐ xã Sạp Vật, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

## 2. Lồng ghép giới trong tổ chức tập huấn/hội thảo/hội nghị/cuộc họp hoặc các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao tại TTHTCĐ

Một trong những phát hiện của khảo sát là đa số người tham gia tập huấn/hội thảo/hội nghị/các cuộc họp hoặc các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao (sau đây gọi tắt là tập huấn) tại các TTHTCĐ là phụ nữ hoặc những tập huấn cần có sự tham gia của hai giới nhưng chỉ có nữ hoặc nam tham gia. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là:

- ✓ Bản thân nam/nữ chưa ý thức được nhu cầu cần học. Nam giới thường tự tin cho rằng mình biết cả rồi không cần học nữa hoặc còn có định kiến cho rằng nội dung này chỉ dành hoặc phù hợp hơn đối với phụ nữ. Ngược lại, phụ nữ thường tự ti, mặc cảm, an phận, xấu hổ, ngại tiếp xúc nơi đông người hoặc cũng bị chịu ảnh hưởng của định kiến cho rằng nội dung này chỉ dành hoặc phù hợp hơn đối với nam giới.
- ✓ Nam giới được coi là chủ gia đình, bận làm ăn, kiếm sống, thậm chí phải đi làm xa tới hoặc cuối tuần mới về. Phụ nữ thường bận công việc gia đình, con cái; và không được chồng, gia đình chồng quan tâm, tạo điều kiện, thậm chí cản trở không cho đi học hoặc tham gia ...;
- ✓ Lãnh đạo địa phương, cán bộ và giáo viên của TTHTCĐ chưa nhận thức đầy đủ, chưa quan tâm tới việc học của hai giới mà mới chỉ quan tâm tới số lượng hoặc chỉ quan tâm tới nhu cầu của phụ nữ, tới tuyên truyền vận động nữ mà chưa quan tâm tới tuyên truyền vận động nam giới. Nội dung, chương trình và cách thức tổ chức thực hiện tập huấn chưa thật sự phù hợp với nhu cầu và mối quan tâm của hai giới cũng

như điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của hai giới.

Với những nguyên nhân nêu trên, vấn đề giới cần thiết phải được quan tâm và lồng ghép khi chuẩn bị tổ chức các tập huấn tại TTHTCĐ, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và sự tham gia bình đẳng của nam và nữ.

### ***Bước 1: Xác định đối tượng và phân tích nhu cầu***

- Xác định nhóm đối tượng: Học viên/ người tham dự tập huấn là ai?
  - Đa số họ là nữ hay là nam giới hay cả hai?
  - Chủ yếu ở độ tuổi nào?
  - Trình độ văn hóa?
  - Điều kiện kinh tế?
  - Tôn giáo? Dân tộc?
- ***Tìm hiểu hiểu biết và kinh nghiệm đã có của họ về nội dung tập huấn***
  - Thái độ của họ đối với vấn đề/nội dung này thế nào?
  - Họ đã biết gì, có kinh nghiệm gì về chủ đề này?
  - Họ cần biết thêm/hiểu thêm về điều gì trong chủ đề/nội dung này?

*Vi dụ 6:* Phiếu tìm hiểu về kiến thức dinh dưỡng

### ***Bước 2: Thiết kế và lập kế hoạch tập huấn***

- Chủ động có kế hoạch lồng ghép, đưa nội dung về giới hoặc liên quan đến giới vào các cuộc tập huấn;
- Đặt mục tiêu cho phần nội dung lồng ghép giới trong cuộc tập huấn;
- Các vấn đề về giới có liên quan đến chủ đề của tập huấn cần được thể hiện trong nội dung/chương trình tập huấn đó (ví dụ về vấn đề bất bình đẳng giới trong quá trình chuẩn bị bữa ăn cho cả gia đình)
- Khi lên chương trình, cần dành/bổ trí thời gian cho phần nội dung về giới được lồng ghép vào cuộc tập huấn (ví dụ: thời gian để học viên thảo luận về sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động - về chuẩn bị bữa ăn cho gia đình);

*Phần B: Lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng*

- Lựa chọn phương pháp điều hành/thảo luận phù hợp để phân thảo luận về giới thu được kết quả tốt (ví dụ: làm sao tạo ra một không khí cởi mở, thân thiện cho cả nam và nữ học viên để họ có thể cùng tham gia và trao đổi về vấn đề đưa ra);
- Phân công, bố trí người điều hành cho phân thảo luận về giới hoặc liên quan đến giới trong buổi tập huấn;
- Nếu phát hiện thấy trong cộng đồng còn tồn tại bất bình đẳng giới, thì cần lên kế hoạch tổ chức cuộc họp, hội thảo dành riêng cho vấn đề đó;
- Tổ chức cuộc họp riêng với nam, nữ đối với các vấn đề nhạy cảm liên quan đến từng giới

### ***Bước 3: Chuẩn bị cho hoạt động tập huấn***

- ***Lựa chọn giảng viên/báo cáo viên hoặc hướng dẫn viên***
  - Người đó phải có hiểu biết và kinh nghiệm thực tế về chủ đề tập huấn;
  - Có kinh nghiệm và phương pháp hướng dẫn người lớn học; nhiệt tình, tâm huyết, thông cảm, kiên trì, tôn trọng, biết động viên, khuyến khích người lớn học;
  - Người đó phải có hiểu biết về giới nói chung và về khía cạnh giới liên quan đến chủ đề của tập huấn nói riêng thông qua kết quả phân tích nhu cầu của nam và nữ, bảng hỏi trắc nghiệm trước khi tập huấn.
- ***Lựa chọn thời gian và địa điểm***
  - Để tạo điều kiện cho cả nữ và nam đều có thể tham gia cần chú ý lựa chọn thời gian và địa điểm thuận tiện, phù hợp và đi lại an toàn, đặc biệt đối với nữ.

*“Nếu muốn nam giới đi học nhiều hơn thì thời gian tổ chức lớp học phải quan tâm đến. Nội dung thì cũng phải lôi cuốn hơn. Đi làm về nam giới thích thể dục thể thao, câu lông, bóng chuyền. Lúc nghỉ giải lao có thể kết hợp nói chuyện cũng được; Ở xã có rất nhiều câu lạc bộ như câu lông, bóng bàn, bóng chuyền. Nam giới họ tham gia rất đông. Theo em không phải cứ đến THTCD mới được trao đổi, mà có thể trao đổi ở mọi nơi, mọi chỗ. Trong những buổi như giao lưu văn nghệ, những buổi giao hữu bóng đá, câu lông mọi người đến tham gia thì mình có thể tuyên truyền, nói thêm các chuyên đề vào cũng được mà. Nghĩa là hình thức đa dạng lắm không nhất thiết phải đến THTCD, không phải cứ đến lớp có giáo viên giảng giải, ở dưới ngồi nghe”.*

(Chia sẻ của một chị Chủ tịch Hội nông dân xã ở Thái Bình)

### ***Chuẩn bị các điều kiện vật chất hậu cần thiết cho tập huấn***

- Kinh phí (bồi dưỡng giảng viên, hỗ trợ nước uống, bánh kẹo ...)
- Tài liệu (Biên soạn/sưu tầm, photô)
- Phương tiện (Bảng/phấn/giấy/bút hoặc đèn chiếu, dao, kéo, băng dính, giấy màu ...)



### ***Một số lưu ý khi mời người dân tham gia tập huấn***

- Đặt tỷ lệ nam-nữ tham gia tập huấn để đạt được tỷ lệ cân bằng về quan điểm của cả hai giới;
- Nếu cần có sự tham gia của cả hai giới, thì cần ghi rõ thành phần tham dự trong giấy mời. Trong những trường hợp đặc biệt, cụ thể, cần mời đích danh tên người tham dự.
- Sự tham gia của nam và nữ trong các cuộc tập huấn phải là thực chất, cần tránh hình thức và đối phó (ví dụ như: chỉ mời một ít nam hoặc nữ tham gia để cho khóa tập huấn trông có vẻ như có sự đại diện của cả hai giới)

Để vận động nam giới tham gia học các chuyên đề tưởng như chỉ dành hoặc phù hợp với nữ, THTCD xã Xuất Hóa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã yêu cầu Hội phụ nữ xã phối hợp với Hội nông dân xã chỉ đạo các Chi hội của mình ở các thôn/xóm tuyên truyền, vận động nam giới tham gia hoặc giao chỉ tiêu cụ thể (5 người/Chi hội) cho Hội Nông dân vận động nam giới tham gia tập huấn ở xã để về phổ biến lại. Hội nông dân đã có giấy mời đích danh hoặc đến nhà gặp trực tiếp nam giới tuyên truyền, vận động. Kết quả là trong 6 tháng đầu năm 2016, một số chuyên đề về giới và Bình đẳng giới, về chi tiêu gia đình và về vệ sinh an toàn thực phẩm đều có sự tham gia của cả nam và nữ (Trước đây chủ yếu chỉ có nữ tham gia). Cụ thể:

- Chuyên đề “Vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội” có 35 nữ và 25 nam;
- Chuyên đề “Xây dựng Kế hoạch chi tiêu gia đình có 36 nữ và 44 nam;
- Chuyên đề “Vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên Đán” có 20 nữ và 12 nam.

#### **Bước 4: Thực hiện các hoạt động**

- Lưu ý đảm bảo triển khai và thực hiện các hoạt động theo đúng tiến độ và thời gian;
- Tạo điều kiện để cả nam và nữ có cơ hội bình đẳng trong việc tham gia và được phát biểu, chia sẻ trong các hoạt động của tập huấn;
- Nếu quan sát thấy một trong hai giới tham gia (phát biểu/thảo luận) ít hoặc kém hiệu quả hơn, cần điều chỉnh cách thức thực hiện như chia nhóm thảo luận (có thể chia riêng nhóm nam, nhóm nữ) hoặc điều chỉnh phương pháp thảo luận, cách thức có hỗ trợ học viên, hỗ trợ các câu hỏi gợi ý hoặc hỗ trợ điều hành;
- Sử dụng các trò chơi để khuyến khích tinh thần làm việc nhóm, tăng thêm sự thoải mái và phá đi sự e ngại của cả nam và nữ;
- Trước và sau các hoạt động, cần có phiếu đánh giá (phát tới người tham dự), nhằm có sự đối chiếu thông tin trước và sau, thông qua đó, có sự ghi nhận về những thay đổi cũng như các ý kiến phản hồi của người tham dự một cách đầy đủ và kịp thời;
- Lập danh sách học viên tham gia (Đề nghị ghi rõ giới tính, độ tuổi để sau này có số liệu cho thống kê, báo cáo chung cuối năm).

#### **Bước 5: Báo cáo, kiến nghị và đề xuất**

- Ghi vào sổ theo dõi kết quả các chuyên đề đã triển khai. Đặc biệt cần ghi rõ số nam và số nữ tham gia từng hoạt động/chuyên đề;
- Xây dựng báo cáo kết quả sau các hoạt động. Báo cáo cần có các khuyến nghị, đề xuất. Bên cạnh đó, báo cáo phải kèm theo các phụ lục cần thiết: phiếu đánh giá trước và sau hoạt động; danh sách tham dự; v.v...;
- Gửi báo cáo tới các cá nhân, đơn vị có thẩm quyền để thông tin kịp thời cũng như có những tác động cần thiết;

**Lưu ý:** trong trường hợp mặc dù giấy mời hoặc thông báo đã ghi rõ và có nhắc nhở, nhưng các gia đình hầu hết vẫn chỉ cử nam hoặc nữ tham gia thì cần tìm hiểu nguyên nhân để rút kinh nghiệm hoặc đề ra giải pháp để khắc phục trong những lần sau. Nếu không các đợt tập huấn sau không thể mời đúng thành phần nam nữ như dự kiến. Ví dụ, nếu chỉ Hội Phụ nữ hoặc Hội nông dân mời hoặc chỉ thông báo/mời chủ hộ (thường là nam) thì chỉ phụ nữ hoặc nam giới tham gia là chủ yếu. Vì vậy, lần sau cần rút kinh nghiệm, thay đổi cách mời người tham gia, khuyến khích sự phối kết hợp giữa Hội Phụ nữ và Hội Nông dân, đảm bảo nữ giới và nam giới đều có cơ hội tham gia.

*Vi dụ 7:* Báo cáo của TTHTCĐ xã Xuất Hóa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

### **IV. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG**

Giám sát, đánh giá có vai trò hết sức quan trọng đối với việc lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ. Giám sát và đánh giá bảo đảm cho việc lồng ghép giới triển khai thuận lợi, hoặc kịp thời điều chỉnh (nếu cần thiết) để đạt kết quả như mục tiêu đề ra. Mặc dù quan trọng như vậy nhưng giám sát và đánh giá chưa được quan tâm và là khâu yếu nhất.

#### **1. Mục tiêu của giám sát, đánh giá lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ**

**Giám sát** lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ nhằm phát hiện kịp thời những khó khăn, cản trở nảy sinh trong quá trình lồng ghép giới để có những giải pháp hoặc những điều chỉnh cần thiết bảo đảm tiến độ và mục tiêu của lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ.

**Đánh giá** lồng ghép giới trong TTHTCĐ nhằm xem xét lại việc lồng ghép giới có chất lượng, có hiệu quả và có phù hợp hay không? Có tạo ra những ảnh hưởng hay tác động gì đối với thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng nói chung và trong TTHTCĐ nói riêng hay không?

#### **2. Nội dung của giám sát, đánh giá lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ**

**Giám sát** tập trung vào tiến độ, khó khăn, thuận lợi của lồng ghép giới trong lập Kế hoạch, trong tuyên truyền, vận động và trong tổ chức các tập huấn/hội thảo/hội nghị/các cuộc họp/các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao tại TTHTCĐ cũng như xem xét tính phù hợp và khả thi của mục tiêu lồng ghép giới. Sau đây là một số lưu ý khi thực hiện giám sát:

- Tính phù hợp của mục tiêu đề ra;
- Kết quả đạt được;
- Hạn chế, tồn tại và khó khăn;
- Lý do, nguyên nhân của các thành tựu, khó khăn, hạn chế;
- Biện pháp/đề xuất.

Công tác giám sát cần thực hiện các nội dung sau:

- Sự tham gia của nam và nữ vào các hoạt động/chuyên đề/tập huấn tại TTHTCĐ;
- Khó khăn của nam và nữ khi tham gia các hoạt động/chuyên đề/tập huấn tại TTHTCĐ;
- Nguyên nhân hoặc lý do của các khó khăn đó;
- Các giải pháp cần thiết để bảo đảm sự tham gia của cả nam và nữ vào các hoạt động tại TTHTCĐ.

Ví dụ:

- Sự tham gia của nam và nữ trong tập huấn về kế hoạch hóa gia đình” tại TTHTCĐ:

*Chỉ có nữ tham gia, còn nam thì không tham gia*

- Nguyên nhân?

*Tập huấn do Hội Phụ nữ tổ chức, Hội chỉ mời hội viên của mình tham gia. Bên cạnh đó, ở một số thôn, trưởng thôn cũng thông báo trên loa: “Mời chị em trong độ tuổi sinh đẻ tham dự tập huấn về kế hoạch hóa gia đình”*

- Biện pháp, đề xuất cần thực hiện để đảm bảo sự tham gia của cả nam và nữ?

*Cần thay đổi cách thức tổ chức. Cần có sự phối kết hợp giữa Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Đoàn Thanh niên trong quá trình chuẩn bị và tổ chức cuộc tập huấn này. Giấy mời và thông báo trên loa đài, cần được mời cả nam và nữ. Chương trình và nội dung tập huấn cần đảm bảo có nội dung phù hợp cho cả nam và nữ. Trước và sau tập huấn, cần tiến hành khảo sát hoặc lấy ý kiến trực tiếp của học viên về các nội dung liên quan đến công tác chuẩn bị, đến kiến thức, cách thức tổ chức khóa tập huấn, chất lượng của tập huấn viên v.v.. Ghi nhận các ý kiến đóng góp vào báo cáo kết quả cuộc tập huấn để làm thông tin đầu vào cho việc tổ chức và thiết kế các khóa tập huấn tiếp theo, cải thiện và đảm bảo sự tham gia tốt nhất của cả nam và nữ*

### 3. Quy trình giám sát, đánh giá lồng ghép giới trong quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ

- Giám sát thường được triển khai thường xuyên, định kỳ trong suốt quá trình lồng ghép giới
- Đánh giá thường được tiến hành vào thời điểm nhất định (3 lần - trước, trong và sau quá trình lồng ghép giới)

*Ví dụ 8:* Bảng kiểm đánh giá mức độ lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch cho TTHTCĐ.

*Ví dụ 9:* Bảng kiểm đánh giá mức độ lồng ghép giới trong công tác tuyên truyền, vận động.

*Ví dụ 10:* Bảng kiểm đánh giá mức độ lồng ghép giới trong tổ chức tập huấn/hội thảo/hội nghị/cuộc họp hoặc các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục thể thao.

## CÁC PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Bình đẳng giới ở Việt Nam có cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng thể hiện sự cam kết của Đảng, Nhà nước và Quốc Hội đối với bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị-kinh tế-văn hóa-xã hội và gia đình.

Quốc hội đã thông qua nhiều Luật quan trọng liên quan tới bình đẳng giới. Đó là Hiến pháp (1946, 1959, 1980 và 1992); Luật Hôn nhân và gia đình (2000); Luật bình đẳng giới (2006); Luật phòng, chống bạo lực gia đình (2007).

Năm 2015, Ban Bí thư TW Đảng đã có Thông báo kết luận số 196-TB/TW về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới”.

Chính phủ cũng đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 theo quyết định số 2351/QĐ-TTg, Chương trình hành động Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 theo QĐ số 1696/QĐ-TTg và đã ký Quyết định số 178/QĐ-TTg ban hành kế hoạch triển khai Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác **bình đẳng giới** và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới”. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều nghị định để cụ thể hóa một số điều trong Luật, hướng dẫn các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới. Đặc biệt Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định xử phạt hành chính về bình đẳng giới. Cụ thể:

- Nghị định 70/2008/NĐ-CP: Cụ thể hóa một số điều trong Luật bình đẳng giới;
- Nghị định 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- Nghị định 55/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới.

Ngày 28/10/2016 Bộ GD&ĐT ban hành quyết định số 4996/QĐ-BGDĐT về Kế hoạch hành động bình đẳng giới ngành giáo dục giai đoạn 2016-2020

Dưới đây là trích dẫn một số nội dung quan trọng về bình đẳng giới đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật trên:

## HIẾN PHÁP

### Điều thứ 9, Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1949)

Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện.

### Điều 63, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992)

- Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.
- Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.
- Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức Nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật.
- Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội; chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ.

## LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

### Điều 4, Luật bình đẳng giới xác định Mục tiêu Bình đẳng giới như sau:

Xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

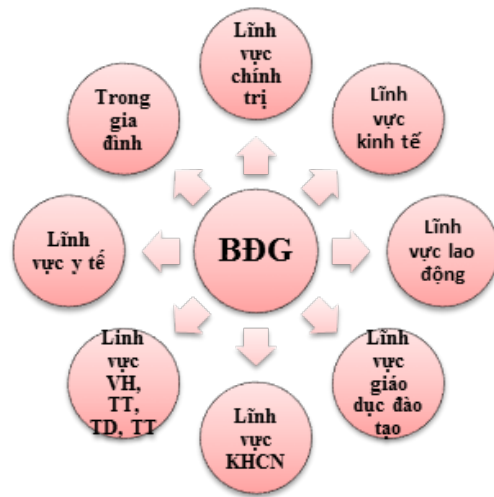
### Điều 6, Luật bình đẳng giới đã đề ra 6 nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới như sau:

1. Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
2. Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.
3. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
4. Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
5. Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.
6. Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.

**Điều 7, Luật bình đẳng giới quy định chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới như sau:**

- ✓ Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.
- ✓ Bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình.
- ✓ Áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu Bình đẳng giới.
- ✓ Khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động thúc đẩy Bình đẳng giới.
- ✓ Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ những điều kiện cần thiết để nâng chỉ số phát triển giới đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước.

**Điều 11-18, Luật bình đẳng giới đã quy định bình đẳng giới trong 8 lĩnh vực sau:**



**Điều 14, Luật bình đẳng giới qui định bình đẳng giới trong lĩnh vực GD-ĐT như sau:**

- ✓ Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
- ✓ Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
- ✓ Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- ✓ Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

**Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực GD-ĐT bao gồm:**

- ✓ Quy định tỷ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo;
- ✓ Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật.

**Điều 28, Luật bình đẳng giới quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp như sau:**

- ✓ Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới tại địa phương.
- ✓ Trình Hội đồng nhân dân ban hành hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới theo thẩm quyền.
- ✓ Tổ chức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở địa phương.
- ✓ Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới.
- ✓ Tổ chức, chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục về giới và pháp luật về bình đẳng giới cho nhân dân địa phương.

**Điều 33, Luật bình đẳng giới quy định trách nhiệm của gia đình trong việc thực hiện bình đẳng giới như sau:**

- ✓ Tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình nâng cao nhận thức, hiểu biết và tham gia các hoạt động về bình đẳng giới.
- ✓ Giáo dục các thành viên có trách nhiệm chia sẻ và phân công hợp lý công việc gia đình.
- ✓ Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện làm mẹ an toàn.

- ✓ Đối xử công bằng, tạo cơ hội như nhau giữa con trai, con gái trong học tập, lao động và tham gia các hoạt động khác.

**Điều 34, Luật bình đẳng giới quy định trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện bình đẳng giới như sau:**

Công dân nam, nữ có trách nhiệm sau đây:

- ✓ Học tập nâng cao hiểu biết, nhận thức về giới và bình đẳng giới;
- ✓ Thực hiện và hướng dẫn người khác thực hiện các hành vi đúng mực về bình đẳng giới;
- ✓ Phê phán, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử về giới;
- ✓ Giám sát việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân

**Điều 40, Luật bình đẳng giới quy định các hành vi sau là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế**

**1. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:**

- Cản trở việc nam hoặc nữ ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;
- Không thực hiện hoặc cản trở việc bổ nhiệm nam, nữ vào cương vị quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;
- Đặt ra và thực hiện quy định có sự phân biệt đối xử về giới trong các hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc trong quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

**2. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:**

- Cản trở nam hoặc nữ thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới;
- Tiến hành quảng cáo thương mại gây bất lợi cho các chủ doanh nghiệp, thương nhân của một giới nhất định.

**3. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm:**

- Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

- Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;
- Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính;
- Không thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định riêng đối với lao động nữ.

**4. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm:**

- Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ;
- Vận động hoặc ép buộc người khác nghỉ học vì lý do giới tính;
- Từ chối tuyển sinh những người có đủ điều kiện vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;
- Giáo dục hướng nghiệp, biên soạn và phổ biến sách giáo khoa có định kiến giới.

**5. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bao gồm:**

- Cản trở nam, nữ tham gia hoạt động khoa học, công nghệ;
- Từ chối việc tham gia của một giới trong các khóa đào tạo về khoa học và công nghệ.

**6. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao bao gồm:**

- Cản trở nam, nữ sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn và tham gia các hoạt động văn hóa khác vì định kiến giới;
- Sáng tác, lưu hành, cho phép xuất bản các tác phẩm dưới bất kỳ thể loại và hình thức nào để cổ vũ, tuyên truyền bất bình đẳng giới, định kiến giới;
- Truyền bá tư tưởng, tự mình thực hiện hoặc xúi giục người khác thực hiện phong tục tập quán lạc hậu mang tính phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

**7. Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế bao gồm:**

- Cản trở, xúi giục hoặc ép buộc người khác không tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe vì định kiến giới;
- Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức hoặc xúi giục, ép buộc người khác phá thai vì giới tính của thai nhi.

**Điều 41, Luật bình đẳng giới quy định các hành vi sau là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình:**

- ✓ Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

- ✓ Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.
- ✓ Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.
- ✓ Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.
- ✓ Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.

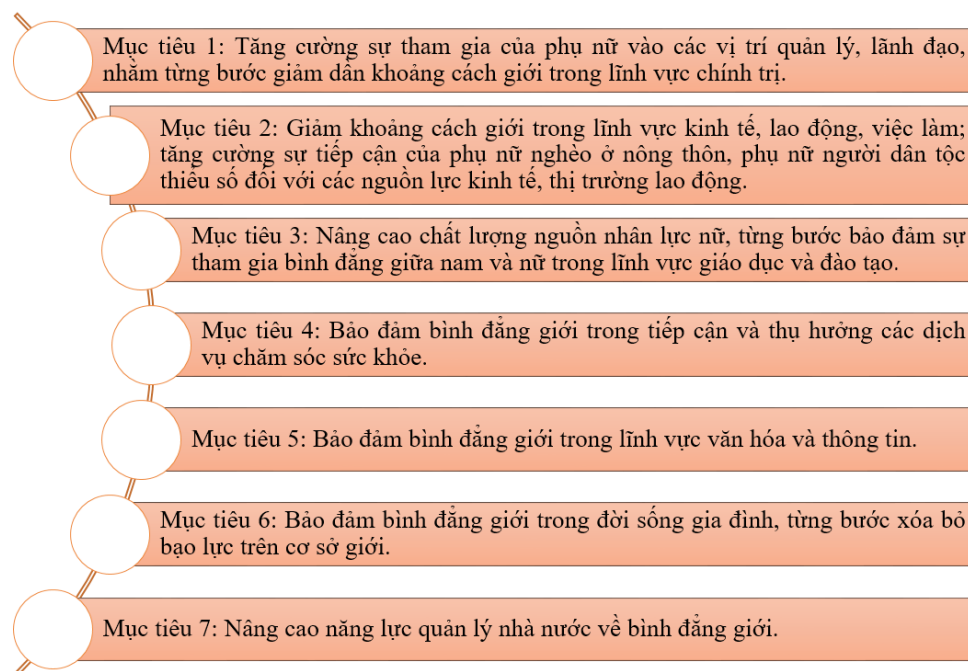
**Điều 42. Luật bình đẳng giới quy định các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới như sau:**

- ✓ Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- ✓ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011-2020

Chiến lược đã đề ra 1 mục tiêu tổng quát và 7 mục tiêu cụ thể.

- Mục tiêu tổng quát: “Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm Bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước”
- 7 mục tiêu cụ thể:



Việt Nam cũng cam kết thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới đề ra trong các văn bản quan trọng của quốc tế.

- Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979 (CEDAW).
- Việt Nam cũng cam kết thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đến 2030 của Liên Hợp Quốc, đặc biệt mục tiêu phát triển bền vững 5 “Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái” gồm 6 chỉ tiêu cụ thể: 1) Chấm dứt phân biệt đối xử với phụ nữ và



trẻ em gái; 2) Xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với tất cả phụ nữ và trẻ em gái; 3) Xóa bỏ các tập tục có hại; 4) Công nhận việc chăm sóc và việc nhà không được trả công và khuyến khích chia sẻ trách nhiệm trong gia đình; 5) Đảm bảo phụ nữ tham gia đầy đủ, hiệu quả và có các cơ hội bình đẳng để nắm giữ các vị trí lãnh đạo ở tất cả các cấp ra quyết định về chính trị, kinh tế và trong cuộc sống; và 6) Đảm bảo tiếp cận phổ quát với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và quyền tình dục, sinh sản. Tại Hội nghị các nhà Lãnh đạo Toàn cầu về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ tại New York, Mỹ (ngày 27/9/2015), Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã khẳng định “Bình đẳng giới không chỉ đơn thuần là một mục tiêu, mà là nội dung xuyên suốt Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững. Việt Nam cam kết ưu tiên mọi nguồn lực cần thiết để thu hẹp hơn nữa khoảng cách về giới trên mọi lĩnh vực”.

## PHỤ LỤC 2: BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÓ LIÊN QUAN

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Nguồn
1.	<i>Giới</i>	Giới đề cập đến vai trò và trách nhiệm của nam giới và phụ nữ được tạo ra trong gia đình, xã hội và nền văn hóa của chúng ta. Khái niệm giới cũng liên quan tới những mong đợi về đặc điểm, khả năng và những hành vi, ứng xử của cả phụ nữ và nam giới (nữ tính và nam tính).	Tài liệu Hướng dẫn về bình đẳng giới cho các ân phẩm của UNESCO, 2012
2.	<i>Giới tính</i>	là những khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ, cũng như các đặc tính sinh học phân biệt nam và nữ. Một người có thể là nam hoặc nữ bất kể chủng tộc, tầng lớp, tuổi tác hoặc sắc tộc. Tuy nhiên, ý nghĩa xã hội gắn liền với sinh học của một người có thể khác nhau tùy thuộc vào dân tộc của họ. Một số người có thể có đặc tính sinh học của cả hai phái, nam và nữ, bởi sự phức tạp về mặt thể chất của họ.	Hướng dẫn BDG trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên (UNESCO, 2015)
3.	<i>Bình đẳng giới</i>	Nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy đầy đủ quyền con người và năng lực của mình cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.	GENIA toolkit, UNESCO, 2009
4.	<i>Định kiến giới</i>	là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.	Luật Bình đẳng giới (2009)

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Nguồn
5.	Vai trò giới	<p>Vai trò giới là những hoạt động/công việc mà nam giới và phụ nữ thực hiện trong gia đình và ngoài xã hội.</p> <p>Có ba loại vai trò chính là sản xuất, tái sản xuất và vai trò trong cộng đồng, trong đó phụ nữ thường phải tham gia cả ba vai trò, nhất là vai trò tái sản xuất bao gồm các công việc chăm sóc gia đình, nội trợ và đối với vai trò trong cộng đồng thì làm những công việc liên quan đến đảm bảo vệ sinh, nguồn nước, chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Đây là công việc không được trả lương tự nguyện thực hiện trong thời gian “tự do”. Còn nam giới thì thường thực hiện nhiều công việc sản xuất và lãnh đạo trong cộng đồng.</p>	<i>Thuật ngữ về bình đẳng giới trực tuyến – UNWOMEN</i>
6.	Các mối quan hệ giới	Đó là các cách mà một nền văn hóa hay xã hội định nghĩa quyền, trách nhiệm và bản dạng của đàn ông và phụ nữ trong các mối quan hệ lẫn nhau	<i>FAO, Bravo, Baurmann, 2000</i>
7.	Khoảng cách giới	<p>Khoảng cách giới là sự khác biệt về mặt xã hội có thể đo lường được giữa nam và nữ.</p> <p>Là bất kỳ sự khác nhau giữa phụ nữ và nam giới về điều kiện hoặc vị trí trong xã hội. Ví dụ khoảng cách tiền lương theo giới. Ngoài ra còn ở những lĩnh vực khác như cơ hội và sự tham gia lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, chính trị</p>	<i>Thuật ngữ về bình đẳng giới trực tuyến – UNWOMEN</i>

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Nguồn
8.	Phân biệt đối xử giới	Phân biệt đối xử giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình	Luật Bình đẳng giới (2006)
9.	Góc nhìn giới hoặc lăng kính giới	là việc nhìn nhận các sự việc/vấn đề khác nhau có tính đến những khía cạnh về giới	"Báo cáo rà soát và phân tích sách giáo khoa dưới góc độ về giới tại cấp quốc gia (MOET & UNESCO– 2010)
10.	Lồng ghép giới	Quá trình đánh giá các tác động đối với phụ nữ và nam giới trong bất kỳ hành động theo kế hoạch, bao gồm cả pháp luật, chính sách, chương trình, trong tất cả các lĩnh vực và ở mọi cấp độ. Đó là một chiến lược nhằm đưa mối quan tâm và kinh nghiệm của phụ nữ cũng như của nam giới vào quá trình thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội để phụ nữ và nam giới được hưởng lợi bình đẳng và xóa bỏ được bất bình đẳng giới	Theo “Tài liệu Hướng dẫn về bình đẳng giới cho các ấn phẩm của UNESCO, 2012
11.	Cân bằng giới	là sự thể hiện mang tính định lượng đại diện và tham gia của hai giới. Là một bước cần thiết nhưng chưa đủ để đạt được bình đẳng giới	GENIA toolkit, UNESCO, 2009
12.	Công bằng giới	Sự đối xử hợp lý với nam và nữ. Để đảm bảo công bằng, cần có các biện pháp khắc phục những yếu tố bất lợi ngăn không cho phụ nữ và nam giới có vị thế bình đẳng với nhau.	GENIA toolkit, UNESCO, 2009

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Nguồn
13.	<i>Khuôn mẫu giới</i>	Sự khái quát hóa giản đơn về đặc điểm, tính cách, vai trò, của các cá nhân hoặc nhóm người dựa trên giới tính của họ. Các khuôn mẫu có thể là tích cực hoặc tiêu cực nhưng chúng hiếm khi đưa ra thông tin chính xác về người khác.	Hướng dẫn về BDG đối với các ấn phẩm của UNESCO – 2012
14.	<i>Phân tích giới</i>	là quá trình tìm hiểu sự khác nhau về kinh nghiệm, kiến thức và các hoạt động của phụ nữ và nam giới trong một bối cảnh cụ thể. Từ đó, có thể xác định và đáp ứng những nhu cầu khác nhau của phụ nữ và nam giới trong các chính sách, chương trình hoặc dự án	GENIA Toolkit, 2009
15.	<i>Nhận thức giới</i>	Khả năng xác định và nhận thức được sự khác biệt và tình trạng bất bình đẳng còn tồn tại giữa nam giới và nữ giới.	Hướng dẫn về BDG đối với các ấn phẩm của UNESCO – 2012
16.	<i>Nhạy cảm giới</i>	là khả năng nhận biết những khác biệt, vấn đề và bất bình đẳng về giới hiện có, kết hợp chúng vào các chiến lược và hành động.	GENIA Toolkit, 2009
17.	<i>Có trách nhiệm giới/đáp ứng giới</i>	Là khái niệm chỉ các sáng kiến và chính sách có đáp ứng các nhu cầu, khát vọng, năng lực và sự đóng góp khác nhau giữa nam và nữ giới. Đây là sự chuyển biến từ nhận thức sang thay đổi trong quan điểm và hành động nhằm đảm bảo bình đẳng và công bằng giới, thường thông qua việc lồng ghép giới. Các chính sách đáp ứng giới là các chính sách đáp ứng các nhu cầu, yêu cầu và đề nghị của nam và nữ giới đem lại lợi ích cho một hoặc cả 2 giới.	Hướng dẫn BDG trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên (UNESCO, 2015)

STT	Thuật ngữ	Giải thích	Nguồn
18.	<i>Số liệu phân tách giới</i>	Là số liệu được thu thập và đưa ra có tách biệt giữa nam giới và nữ giới	UNESCO khung thực hiện lồng ghép giới 4/2003

### PHỤ LỤC 3: CÁC VÍ DỤ

#### Ví dụ 1: BIỂU TÔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU, CÓ PHÂN TÍCH DƯỚI GÓC ĐỘ GIỚI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG .....

TT	Nội dung	Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức				Các hoạt động nâng cao năng lực; các hoạt động văn, thể, mỹ				Các yếu tố tác động đến sự tham gia của nam và nữ										
		Tuyên truyền văn bản pháp luật		Các hội thi về nấu ăn; hiểu biết pháp luật		Chiến dịch làm sạch thôn, xóm		Tập huấn về kỹ năng tránh rét cho trâu bò		Câu lạc bộ những người nuôi ong		Dạy đánh bóng bàn		Thuận lợi		Khó khăn/ rào cản		Nguyên nhân		
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1	Số lượng người có nhu cầu học																			
2	Thời gian tổ chức: .....																			
3	Địa điểm tổ chức: .....																			
4	Hình thức tổ chức: .....																			
5	Tên giảng viên: .....																			

Ngày .....tháng .....năm .....

Người thu thập số liệu

(Ký và ghi rõ họ tên)

#### Ví dụ 2: BIỂU MẪU XÁC ĐỊNH BIỆN PHÁP CAN THIỆP (THEO KHUNG LÔ-GIC)

#### TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG.....

Giai đoạn kế hoạch: từ .....đến .....

TT	Thông tin đầu vào (tổng hợp từ kết quả khảo sát nhu cầu- như ví dụ số 1)	Các hoạt động/Biện pháp can thiệp		Chịu trách nhiệm chính	Trách nhiệm phối hợp	Hình thức thực hiện	Thời gian
		Nam	Nữ				

Ngày .....tháng .....năm .....

Người thực hiện

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG.....**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG**

Tháng :.....

TT	Hoạt động/ chuyên đề	Số người tham gia		Nhóm độ tuổi	Địa điểm	Thời gian	Kinh phí		Đơn vị/cá nhân chủ tri	Đơn vị/cá nhân phối hợp	Ghi chú
		Nam	Nữ				Dự kiến	Nguồn			

....., ngày ..... tháng ..... năm

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**GIÁM ĐỐC**

**Ví dụ 4: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ XUẤT VÀ KHUYẾN NGHỊ**

- Tên hoạt động/chuyên đề:
- Thời gian thực hiện
- Địa điểm thực hiện
- Kết quả
  - Số người tham gia: ....., trong đó Nam? Nữ? chủ yếu ở độ tuổi nào? So với mục tiêu kế hoạch đặt ra như thế nào?
  - Các hoạt động chủ yếu đã triển khai? Sự tham gia của hai giới như thế nào?
  - Thách thức đối với nam và nữ khi tham gia tập huấn là gì?
  - Kết quả học tập của nam, nữ như thế nào? Nhận thức, thái độ và hành vi của hai giới thay đổi như thế nào sau hoạt động/chuyên đề
- Đánh giá:
  - Thái độ của nam, nữ đối với hoạt động/chuyên đề này như thế nào? Có phù hợp với nhu cầu, vấn đề của hai giới không? Họ phân biệt hai giới như thế nào?
  - Mức độ phù hợp và khả thi của hoạt động/chuyên đề như thế nào đối với hai giới?
  - Tại sao nữ hoặc nam tham gia ít hơn so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra? (nếu có)
- Đề xuất, kiến nghị: để hoạt động/chuyên đề phù hợp hơn/hấp dẫn hơn/khả thi hơn và huy động được cả hai giới tham gia
  - Về nội dung, tài liệu
  - Về hình thức/ cách thức tổ chức thực hiện
  - Về thời gian
  - Về địa điểm

– Về tuyên truyền vận động

– ...

**Một số phụ lục cần thiết:**

1. Phiếu đánh giá trước và sau hoạt động;
2. Danh sách học viên đã tham gia (Đề nghị ghi rõ giới tính, độ tuổi để sau này có số liệu cho thống kê, báo cáo chung cuối năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

**TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG ...**

**SỔ**  
**GHI DANH SÁCH HỌC VIÊN**  
**THAM GIA CÁC CHUYÊN ĐỀ**  
**HOẠT ĐỘNG TẠI TTHTCĐ**

**DANH SÁCH THAM GIA**

**CHUYÊN ĐỀ/HOẠT ĐỘNG TẠI TTHTCĐ**

Thời gian: .....

Địa điểm: .....

TT	Họ và tên	Nơi ở	Nam	Nữ	Thông tin bổ sung (nếu có)	Ghi chú (hoặc ký tên)
	CỘNG					

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG ....

**SỔ THEO DÕI  
KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ  
TRIỂN KHAI**

THEO DÕI KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

THÁNG .....

Tuần	Thời gian (ngày, tháng, buổi)	Lĩnh vực nội dung	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện	Tổ chức/ cá nhân chủ trì thực hiện	Tên tổ chức/ cá nhân phối hợp tổ chức thực hiện	Số người tham gia		Nhóm độ tuổi	Địa điểm mở lớp	Ghi chú
							Nam	Nữ			
	Tổng số										

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC

Vi dụ 5:

**Phong trào “*Tiếng kếng, tiếng trông khuyến học*”**

tại TTHTCD xã Sập Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Tóm tắt thông tin cơ bản/lý do/mục đích của hoạt động tuyên truyền, vận động	Sập Vạt là một xã vùng II của huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, trong đó có bản vùng cao Noóng Khéo thuộc chương trình 135 của Chính phủ, với 100% số hộ là dân tộc Mông và giao thông đi lại khó khăn. Con đường từ quốc lộ 6 lên bản này dài 16 km, dốc đá, nhỏ hẹp, lầy lội sau mỗi trận mưa lũ. Không có điện lưới quốc gia, không có tivi, mạng ... Trình độ dân trí thấp, đa số nhân dân trong bản đều mù chữ. Việc vận động trẻ em đi học và duy trì sĩ số rất khó khăn.  Trước tình hình đó, tại Đại hội Khuyến học xã Sập Vạt lần thứ 3 (nhiệm kỳ 2011-2016), Hội Khuyến học xã đã phát động phong trào “ <b>Tiếng kếng, tiếng trông khuyến học</b> ” với mục đích tuyên truyền, vận động người lớn học chữ và vận động trẻ em đến trường.
Các bên tham gia/tổ chức/chịu trách nhiệm thực hiện	Lãnh đạo, chỉ đạo: Cấp ủy và chính quyền xã  Phối hợp, thực hiện: Các tổ chức, đoàn thể của xã (Hội phụ nữ giới, Hội nông dân, Hội người cao tuổi, Hội Cựu giáo chức, Hội Cựu chiến binh .... và nhà trường, TTHTCD) phối hợp với chi bộ và chính quyền các bản
Đối tượng hưởng lợi từ hoạt động	Học sinh và người lớn mù chữ (nam giới và nữ giới)
Thời gian thực hiện:	Từ năm 2011 đến năm 2016
Các nội dung đã thực hiện/triển khai:	- Thống kê số trẻ em trong độ tuổi thất học và số lượng người mù chữ trong độ tuổi 15-60. Kết quả thống kê năm 2011 cho thấy trong số 82 người chưa hoàn thành lớp 3 (mức độ 1) có tới 65 nữ (79,3%) và 76 người là dân tộc (92,7%) và trong số 280 người chưa hoàn thành lớp 5 (mức độ 2) có tới 171 nữ (61,1%) và 278 người là dân tộc (99,3%)  - Tìm hiểu các rào cản, khó khăn đối việc đi học của trẻ em và đối với việc tham gia các lớp xóa mù chữ của người lớn, đặc biệt của từng giới và đối với người dân tộc. Kết quả cho thấy nữ



<p>Các nội dung đã thực hiện/ triển khai:</p>	<p>mù chữ nhiều hơn do nhiều khó khăn khách quan và chủ quan. Phụ nữ thường bận công việc gia đình, con cái không thể tham gia nếu lớp học tổ chức vào thời gian không phù hợp. Hơn nữa, phụ nữ thường còn phụ thuộc, không được chồng và gia đình chồng động viên, tạo điều kiện vì cho rằng phụ nữ có chồng con không cần học nữa, chỉ cần biết nuôi con, làm nương là đủ. Đặc biệt bản thân chị em còn có tư tưởng tự ti, an phận. Còn nam giới cho rằng không cần biết chữ vẫn làm nương rẫy tốt. Đi học lại phải bỏ làm nương rẫy được. Tôi về đi học thì mệt và thích uống rượu hơn v.v... Trẻ em không được đi học chủ yếu do nhận thức của cha mẹ hạn chế, do phải làm việc nhà, trông em, thâm chí làm nương rẫy cùng cha mẹ. Thực tế nhiều người đi học về không xin được việc lại về làm nương rẫy càng làm cho người dân không thấy sự cần thiết phải đi học hoặc cho con đi học. Người dân tộc còn gặp khó khăn/rào cản về ngôn ngữ, không thạo tiếng Việt, giao tiếp (nghe, nói) chủ yếu bằng tiếng dân tộc do không có điện, không có tivi, mạng ...</p> <p>- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phát động phong trào “Tiếng kèng, tiếng trống khuyến học”. Trên cơ sở thống kê và tìm hiểu các khó khăn/rào cản đặc thù đối với trẻ em, đối với từng giới, Ban giám đốc TTHTCĐ đã xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, xác định đối tượng cần tuyên truyền, vận động, mục tiêu, nội dung, phương pháp và thời gian, địa điểm tuyên truyền phù hợp với từng giới.</p> <p>➤ Ban thường vụ Đảng ủy xã đã phân công các đồng chí trong Ban chấp hành trực tiếp lên tăng cường phụ trách tận bản để vận động người lớn tham gia các lớp xóa mù chữ tại TTHTCĐ và vận động trẻ em đến trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với phụ nữ: Chi bộ phối hợp với Trưởng bản, Ban Công tác mặt trận, Chi Hội phụ nữ vận động chị em thông qua các buổi họp, các buổi tuyên truyền/tập huấn về Giới và bình đẳng giới hoặc gặp gỡ trực tiếp tại nhà với chị em và với chồng và gia đình chồng để động viên, tạo điều kiện cho vợ/cho con dâu được tham gia học các lớp Xóa mù chữ. Ngoài ra, các nhóm liên gia cũng được thành lập để chia sẻ, giúp đỡ, động viên nhau đăng ký ra lớp học.</li> <li>- Đối với nam giới: Chi bộ phối hợp với Trưởng bản, Ban Công tác mặt trận, chi hội Nông dân/</li> </ul>
---	---

<p>Các nội dung đã thực hiện/ triển khai:</p>	<p>chi hội khuyến học đến tuyên truyền, vận động trực tiếp tại nhà. Gắn việc tham gia học tập với các quyền lợi được hưởng như được tham gia các nhóm vay vốn của Ngân hàng chính sách; có đủ điều kiện để thi bằng xe máy, tham gia ứng cử vào các tổ chức chính trị xã hội,... Đối với các thành viên của các gia đình là cán bộ chủ chốt của bản được động viên tự nguyện đăng ký tham gia khóa học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trẻ em: Ban giám đốc TTHTCĐ phối hợp với các đồng chí Bí thư, Trưởng bản, Trưởng ban công tác mặt trận và Chi hội trưởng hội phụ nữ bản tổ chức hội nghị phụ huynh tại từng bản để tuyên truyền về kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn toàn xã nói chung và của 2 bản đặc biệt khó khăn nói riêng.</li> </ul>
<p>Tác động, hiệu quả</p>	<p>Phong trào “<b>Tiếng kèng, tiếng trống khuyến học</b>” tại xã Sập Vạt, huyện Yên Châu nói chung và tại bản Noóng Khéo nói riêng đã thực sự có tác dụng rất lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức của chính quyền địa phương, của các tổ chức chính trị xã hội, các tầng lớp nhân dân nói chung, của chị em phụ nữ nói riêng về tham gia phong trào học tập được nâng lên rõ rệt.</li> <li>- Tỷ lệ biết chữ, đặc biệt của phụ nữ của xã tăng lên đáng kể. Sau 5 năm (từ 2011-2016), Từ 88 người (15-60 tuổi) chưa hoàn thành lớp 3 (Mức độ 1), 280 người chưa học xong lớp 5 (mức độ 2) thì đến năm 2016 chỉ còn 35 người chưa xong mức độ 1 và 190 người chưa hoàn thành lớp 5, trong đó 45 phụ nữ (41 người dân tộc) được XMC mức 1 và 90 phụ nữ (88 người dân tộc) được XMC mức 2.</li> <li>- Nhiều chị em rất phấn khởi và mong muốn được tiếp tục tham gia các lớp học tập khác sau lớp xóa mù chữ và lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, các lớp học chuyển giao khoa học kỹ thuật tại TTHTCĐ để cải thiện chất lượng cuộc sống và tích cực tham gia vào các hoạt động của Hội khuyến học, của TTHTCĐ. Đặc biệt, phụ nữ và trẻ em gái dân tộc Mông tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ (giao lưu múa hát tập thể, hát đối, tham gia các trò chơi dân gian: ném pao, đánh cầu, ...) nhân các ngày lễ lớn, dịp Tết cổ truyền, các buổi sơ kết, tổng kết của bản, của các đoàn thể.</li> </ul>

- Đặc biệt nhiều chị em phụ nữ khi đi làm thủ tục vay vốn đã biết tự viết họ tên của mình không phải điền chỉ như thời gian trước đây nữa. Nhiều chị em đã đủ điều kiện về văn hóa đề đề nghị xét kết nạp đảng.

- Trong đời sống sinh hoạt của đa số các gia đình, dòng họ sự bình đẳng giới đã được quan tâm đúng mức.

➤ Dòng họ Sòng (Ông Sòng A Chu - Bí thư chi bộ bản Noóng Khéo) được Hội khuyến học các cấp biểu dương là dòng họ hiếu học tiêu biểu. Đặc biệt là việc thúc đẩy sự bình đẳng giới trong dòng họ Sòng đã đạt được nhiều thành tích và được nhân dân của bản noi theo. Con dâu ông Chu được trưng tập làm nhân viên hỗ trợ điểm trường để giúp các giáo viên giảng giải nội dung bài học, giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn các kỹ năng học tập cho học sinh bằng tiếng mẹ đẻ của các em. Cháu dâu của ông hiện nay là giáo viên tiểu học về dạy học ở tại bản. Các con trai của gia đình ông đều là viên chức nhà nước. Các cháu nội ngoại của ông và các cháu của các gia đình là anh em của ông đều được học hết phổ thông ở các trường của xã, của huyện. Ông luôn dạy bảo các con trai, cháu trai, cháu rể phải biết tôn trọng vợ con, biết chia sẻ công việc cùng vợ con để vợ con có thời gian được nghỉ ngơi, đi chơi mua sắm.

➤ Trong bữa cơm hàng ngày hoặc khi có khách đến nhà, các buổi liên hoan của bản, của dòng họ, chị em phụ nữ và trẻ em gái được ngồi cùng ăn với đàn ông và khách, được giao lưu chúc rượu, nói chuyện vui vẻ trong bữa ăn. Đây là những điểm nổi bật về bình đẳng giới mà sau một thời gian khá dài tuyên truyền, vận động mới có được tại nơi đây.

- Do đạt được nhiều thành tích trong phong trào “**Tiếng keng, tiếng trống khuyến học**”, năm 2013, bản được Hội khuyến học huyện Yên Châu tặng giấy khen.

### Ví dụ 6:

## PHIẾU TÌM HIỂU KIẾN THỨC VỀ DINH DƯỠNG

-----  
Xin Ông/Bà đọc kĩ từng câu hoặc từng câu hỏi dưới đây và đánh dấu (x) vào một câu trả lời mà Ông/Bà cho là đúng nhất.

### 1. Thức ăn có mấy nhóm dinh dưỡng chính?

3 nhóm:  4 nhóm:

5 nhóm:  6 nhóm:

### 2. Ăn đủ chất là ăn nhiều thịt, cá

Đúng:  Sai:

### 3. Nhà nghèo thì không có điều kiện ăn đủ chất

Đúng:  Sai:

### 4. Con nhà nghèo mới bị suy dinh dưỡng

Đúng:  Sai:

### 5. Vòng, lạc thuộc nhóm tinh bột, đường

Đúng:  Sai:

### 6. Chỉ có thịt mới có nhiều chất đạm

Đúng:  Sai:

### 7. 4 nhóm thức ăn chính là thịt, cá, rau, mỡ

Đúng:  Sai:

### 8. Ăn càng nhiều thịt càng tốt

Đúng:  Sai:

### 9. Không nhất thiết bữa nào cũng phải ăn đủ chất

Đúng:  Sai:

### 10. Ăn giỗ, ăn tết có thể bù lại những lúc ăn thiếu chất

Đúng:  Sai:

### 11. Bốn nhóm thức ăn chính là đạm, đường, tinh bột và chất béo

Đúng:  Sai:

### 12. Thức ăn nào dưới đây không thuộc nhóm nhiều tinh bột, đường

Mía:  Sắn:

Khoai:  Lạc:

### 13. Thức ăn nào dưới đây không thuộc nhóm nhiều chất đạm

- Ốc:                       Vùng:   
 Tôm                       Cua:
- 14. Thức ăn nào dưới đây không thuộc nhóm nhiều chất béo**
- Dầu:                       Lạc:   
 Ngô:                       Vùng:
- 15. Thức ăn nào dưới đây không thuộc nhóm nhiều vitamin, muối khoáng**
- Rau ngót:                       Mía:   
 Chuối:                       Đu đủ:
- 16. Càng ăn nhiều đường càng tốt**
- Đúng:                       Sai:
- 17. Càng ăn mặn càng khoẻ**
- Đúng:                       Sai:
- 18. Có thể ăn cá thoải mái, tùy theo khả năng**
- Đúng:                       Sai:
- 19. Ăn nhiều chất béo càng tốt**
- Đúng:                       Sai:
- 20. Trung Bình ăn mấy bữa cá trong 1 tuần?**
- 1 bữa:                       2 bữa:   
 3 bữa:                       4 bữa:
- 21. Trung Bình ăn mấy kilôgam thịt trong 1 tháng?**
- 0,5 kg:                       1 kg:   
 1,5 kg:                       2 kg:
- 22. Có thể ăn quả chín tùy theo khả năng**
- Đúng:                       Sai:
- 23. Không ăn quá mấy lạng MUỐI trong 1 tháng?**
- 2 lạng:                       3 lạng:   
 4 lạng:                       1 lạng:
- 24. Không nên ăn quá mấy lạng ĐƯỜNG trong một tháng?**
- 3 lạng:                       4 lạng:   
 5 lạng:                       6 lạng:
- 25. Trung Bình ăn mấy lạng dầu/mỡ/vùng/lạc trong 1 tháng?**
- 3 lạng:                       4 lạng:   
 5 lạng:                       6 lạng:

**26. Chỉ cho trẻ ăn nước thịt, sợ trẻ bị hóc**

Đúng:                       Sai:

**27. Bán trứng đi để mua mì chính**

Đúng:                       Sai:

**28. Không cho trẻ ăn trứng sợ trẻ đầy bụng**

Đúng:                       Sai:

**29. Không cho trẻ ăn tôm, cua sợ trẻ ho, ỉa chảy**

Đúng:                       Sai:

**30. Không cho trẻ ăn các loại củ, rau xanh, mà chỉ lấy nước để quấy bột**

Đúng:                       Sai:

Cuối cùng xin ông/bà cho biết đôi điều về bản thân:

Tuổi:                      18-25:                       26-35:                       36-55:

trên 55:

Giới tính:                      Nam:                       Nữ:

*Xin cảm ơn Ông/Bà!*

**Tổng hợp kết quả khảo sát về kiến thức dinh dưỡng**

Câu hỏi	Độ tuổi				Nam		Nữ		Đáp án đúng (cho các câu hỏi không phải dạng trả lời “đúng/sai”)
	18-25	26-35	36-55	trên 55	Đúng	Sai	Đúng	Sai	
Câu hỏi 1									
Câu hỏi 2									
Câu hỏi 3									
Câu hỏi 4									
Câu hỏi 5									
Câu hỏi 6									
Câu hỏi 7									
Câu hỏi 8									
Câu hỏi 9									
Câu hỏi 10									
Câu hỏi 11									
Câu hỏi 12									
Câu hỏi 13									
Câu hỏi 14									
Câu hỏi 15									
Câu hỏi 16									
Câu hỏi 17									
Câu hỏi 18									
Câu hỏi 19									
Câu.....									
<b>Tổng số</b>									

**Ví dụ 7**

**Báo cáo kết quả hoạt động của TTHTCĐ xã Xuất Hóa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016)**

**1. Kết quả mở lớp chuyên đề trong 03 năm (2013 – 2015 và 6 tháng đầu năm 2016)**

**a. Lớp chuyên đề**

- Năm 2013: Tổng số chuyên đề: 22; Số lớp chuyên đề 27, với 1.458 học viên.
- Năm 2014: Tổng số chuyên đề: 25; Số lớp chuyên đề 30, với 1.700 học viên.
- Năm 2015: Tổng số chuyên đề: 26; Số lớp chuyên đề 31, với 1.854 học viên.
- 05 tháng đầu năm 2016: Tổng số chuyên đề: 16; Tổng số lớp chuyên đề 18, với 1.150 học viên.

**b. Hoạt động phát triển cộng đồng**

- Năm 2013: Tổng số hoạt động: 19; Số lượt người tham gia: 1.054 lượt.
- Năm 2014: Tổng số hoạt động: 22; Số lượt người tham gia: 1.156 lượt.
- Năm 2015: Tổng số hoạt động: 25; Số lượt người tham gia: 1.320 lượt.
- 05 tháng đầu năm 2016: Tổng số hoạt động: 13; Số lượt người tham gia: 950 lượt.

**2. Số lượng học viên theo tỷ lệ nam, nữ**

Năm	Lĩnh vực	Số chuyên đề	Số Lớp	Số học viên tham gia			Tỷ lệ nữ
				Tổng số	Nam	Nữ	
2013	Văn hóa xã hội, Phát triển kinh tế, Pháp luật, Môi trường, Sức khỏe)	22	27	1.458	800	658	45,1

Năm	Lĩnh vực	Số chuyên đề	Số Lớp	Số học viên tham gia			Tỷ lệ nữ
				Tổng số	Nam	Nữ	
2014	Văn hóa xã hội, Phát triển kinh tế, Pháp luật, Môi trường, Sức khỏe)	25	30	1.700	877	823	48,4
2015	Văn hóa xã hội, Phát triển kinh tế, Pháp luật, Môi trường, Sức khỏe)	26	31	1.854	944	910	49,0
	05 tháng đầu năm 2016	16	18	1.150	550	600	52,1
	<b>Tổng</b>	<b>89</b>	<b>106</b>	<b>6.162</b>	<b>3.171</b>	<b>2.991</b>	<b>48,5</b>

Năm	Các hoạt động phát triển cộng đồng	Tổng số hoạt động	TS lượt người tham gia	Nam	Nữ	Tỷ lệ nữ
2013	Vận động tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa, văn nghệ, TDTT, Lễ hội, hội thi...	19	1.054	596	458	43,4
2014	Vận động tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa, văn nghệ, TDTT, Lễ hội, hội thi...	22	1.156	644	512	44,2
2015	Vận động tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa, văn nghệ, TDTT, Lễ hội, hội thi...	25	1.320	725	595	45,0
	05 tháng đầu năm 2016	13	950	515	435	45,7
	<b>Tổng</b>	<b>79</b>	<b>4.480</b>	<b>2.480</b>	<b>2.000</b>	<b>44,6</b>

### **Ví dụ 8: BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ LÒNG GHÉP GIỚI TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHO TTHTCĐ**

(Dùng cho người đi giám sát, đánh giá và cho chính người tham gia xây dựng kế hoạch để tự giám sát, đánh giá việc lồng ghép giới của mình để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc rút kinh nghiệm cho các lần xây dựng kế hoạch tiếp theo).

- Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây để đánh giá mức độ lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch hoạt động cho TTHTCĐ;
- Trước khi đánh dấu vào cột ***có/không/không chắc*** cần tìm các biểu hiện, bằng chứng, dựa trên đó mà ông/bà cho rằng “có” hoặc “không” hoặc “không chắc”

I. Điều tra, phân tích nhu cầu của hai giới	Có	Không	Không chắc
1. Có tiến hành điều tra nhu cầu của cả hai giới trước khi lập kế hoạch không?			
2. Có phân biệt nhu cầu và mối quan tâm riêng của nam và nữ không?			
✓ Có phát hiện nhu cầu khác nhau giữa hai giới không?			
✓ Có quan tâm tới điều kiện và hoàn cảnh khác nhau của hai giới không?			
✓ Có phân loại và sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhu cầu đã xác định không?			
II. Xác định mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch	Có	Không	Không chắc
1. Mục tiêu kế hoạch hàng năm của TTHTCĐ có thể hiện được những mối quan tâm được ưu tiên, đáp ứng các nhu cầu thực tế của cả hai giới không?			
2. Có xác định rõ số lượng người cần huy động không?			
3. Có quy định rõ số lượng nam, nữ hoặc tỷ lệ nam, nữ cần được huy động không?			

III. Xác định hoạt động, cách thức và nguồn lực thực hiện Kế hoạch	Có	Không	Không chắc
4. Các hoạt động/chuyên đề trong kế hoạch có phù hợp nhu cầu, mối quan tâm của cả hai giới không?			
5. Có bảo đảm sự tham gia của cả hai giới trong quá trình xây dựng kế hoạch không?			
6. Có bảo đảm sự liên kết và phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đoàn thể, chương trình, dự án ở địa phương trong quá trình xây dựng kế hoạch không?			
7. Có bảo đảm sự linh hoạt? tính hiệu quả, bền vững?			
8. Có quan tâm tới thời gian, địa điểm tổ chức phù hợp với hai giới không?			
9. Có phân công cụ thể cá nhân/đơn vị chịu trách nhiệm và cá nhân/đơn vị phối hợp không?			
10. Có khả thi không? Có đủ nguồn lực cần thiết không?			

Hãy rà soát lại câu trả lời của từng bước trong quá trình lồng ghép giới khi xây dựng kế hoạch cho TTHTCĐ để phân tích kết quả:

- Nếu tất cả câu trả lời trong một bước (hoặc trong tất cả các bước) là “Có” với dẫn chứng được thống nhất chứng tỏ kế hoạch đã được lồng ghép giới có hiệu quả;
- Nếu vẫn có câu trả lời “Không”, hoặc nhiều câu trả lời “Không” với dẫn chứng cụ thể, hãy: (i) Phân tích nguyên nhân, tại sao kế hoạch chưa được lồng ghép giới tốt? (ii) Bàn bạc đề xuất giải pháp để khắc phục trong những lần sau để bảo đảm kế hoạch hoạt động của TTHTCĐ được lồng ghép giới tốt hơn;
- Nếu đa phần câu trả lời là “Không chắc chắn”, cần xem lại câu trả lời? so sánh đối chiếu các dẫn chứng của từng câu trả lời.

### Ví dụ 9: BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TẠI TTHTCĐ

(Dùng cho người đi giám sát, đánh giá và cho chính cán bộ thực hiện truyền thông vận động để tự giám sát, đánh giá hoạt động của mình đã lồng ghép giới có hiệu quả chưa để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc rút kinh nghiệm cho các lần tuyên truyền, vận động sau)

- Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây để đánh giá mức độ lồng ghép giới trong công tác truyền thông, vận động;
- Trước khi đánh dấu vào cột **có/không/khôngchắc** cần tìm các biểu hiện, bằng chứng, dựa trên đó mà ông/bà cho rằng “có” hoặc “không” hoặc “không chắc”

Phân tích giới	Có	Không	Không chắc
1. Có thu thập thông tin về đối tượng cần phải tuyên truyền, vận động không?			
2. Có tìm hiểu nhận thức của đối tượng cần tuyên truyền, vận động về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc học và về TTHTCĐ không?			
3. Có tìm hiểu những khó khăn, rào cản đặc thù đối với nam hoặc với nữ khi tham gia học tập tại TTHTCĐ không?			
Xây dựng kế hoạch lồng ghép giới trong công tác tuyên truyền, vận động	Có	Không	Không chắc
4. Có chuẩn bị nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			
5. Nội dung tuyên truyền, vận động có phản ánh chính xác tình hình thực tế của nam và nữ; thể hiện quan điểm của cả hai giới; và mang tính thúc đẩy bình đẳng giới rõ ràng không?			
6. Có xác định hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			

7. Có xác định phương pháp tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			
8. Có lựa chọn thời gian, địa điểm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			

Triển khai tuyên truyền, vận động	Có	Không	Không chắc
9. Nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			
10. Hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			
11. Phương pháp tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			
12. Thời gian, địa điểm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng giới không?			

Hãy rà soát lại câu trả lời của từng bước trong quá trình lồng ghép giới trong công tác tuyên truyền, vận động để phân tích kết quả:

- Nếu tất cả câu trả lời trong một bước (hoặc trong tất cả các bước) là “Có” với dẫn chứng được thống nhất chứng tỏ công tác tuyên truyền, vận động đã được lồng ghép giới có hiệu quả;
- Nếu vẫn có câu trả lời “Không”, hoặc nhiều câu trả lời “Không” với dẫn chứng cụ thể, hãy: (i) Phân tích nguyên nhân, tại sao tuyên truyền, vận động chưa được lồng ghép giới có hiệu quả? (ii) Bàn bạc đề xuất giải pháp để khắc phục trong những lần sau để bảo đảm hoạt động tuyên truyền vận động được lồng ghép giới có hiệu quả hơn;
- Nếu đa phần câu trả lời là “Không chắc chắn”, cần xem lại câu trả lời? so sánh đối chiếu các dẫn chứng của từng câu trả lời.

***Ví dụ 10:* BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ LỒNG GHÉP GIỚI TRONG TỔ CHỨC TẬP HUẤN/HỘI THẢO/HỘI NGHỊ/CUỘC HỌP HOẶC CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA-VĂN NGHỆ, THỂ DỤC-THỂ THAO TẠI TTHTCD**

(Dùng cho người đi giám sát, đánh giá và cho GV/BCV/HDV khi chuẩn bị và tổ chức tập huấn để tự giám sát, đánh giá công việc của mình đã lồng ghép giới có hiệu quả chưa để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc rút kinh nghiệm cho các lần tập huấn sau).

- Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây để đánh giá mức độ lồng ghép giới trong tổ chức tập huấn tại TTHTCD;
- Trước khi đánh dấu vào cột ***có/không/không chắc*** cần tìm các biểu hiện, bằng chứng, dựa trên đó mà ông/bà cho rằng “có” hoặc “không” hoặc “không chắc”

Phân tích đối tượng	Có	Không	Không chắc
1. Có xác định rõ nhóm đối tượng là ai không? (Đa số là phụ nữ, nam giới hay cả hai giới?)			
2. Có phân tích nhu cầu, kinh nghiệm và kiến thức của đối tượng về nội dung của tập huấn không? ✓ Có vấn đề bất bình đẳng giới nào liên quan đến chuyên đề của tập huấn không? ✓ Họ đã biết gì về nội dung của tập huấn? Họ cần biết thêm điều gì? ✓ Thái độ của họ đối với nội dung của tập huấn như thế nào?			
<b>Thiết kế và lập kế hoạch tập huấn</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Không chắc</b>
3. Các vấn đề giới liên quan đến nội dung của tập huấn có được thể hiện trong mục tiêu và nội dung của tập huấn không? (Ví dụ sự bất bình đẳng giới trong quá trình chăn nuôi gia cầm)			

4. Nội dung và hình ảnh minh họa trong tài liệu tập huấn có định kiến giới không? Các ví dụ minh họa có đảm bảo cân bằng về giới, công bằng và hướng tới bình đẳng giới không?			
5. Có bố trí thời gian (phù hợp) cho phần nội dung về giới được lồng ghép vào tập huấn không? Ví dụ có thời gian để học viên thảo luận về sự bất bình đẳng trong phân công lao động nói trên?			
6. Phương pháp điều hành (dự kiến) có phù hợp, khuyến khích sự tham gia của cả hai giới không?  Ví dụ, nam giới thường hay mạnh dạn phát biểu trên nhóm lớn, nhưng phụ nữ thì ngược lại, chỉ thích chia sẻ trong nhóm nhỏ. Điều này có được cân nhắc khi chuẩn bị phương pháp điều hành làm sao để khuyến khích phụ nữ tham gia thảo luận?			
7. Nếu phát hiện thấy có sự bất bình đẳng giới nặng nề trong chủ đề nội dung tập huấn, GV/BCV/HDV có đề nghị Ban giám đốc TTHTCD tổ chức tập huấn chuyên về vấn đề giới đó không và họ có yêu cầu Ban giám đốc TTHTCD thay đổi nội dung tập huấn trong thời gian sớm nhất không?			
<b>Chuẩn bị tập huấn</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Không chắc</b>
8. GV/BCV/HDV của tập huấn có hiểu biết về giới liên quan đến nội dung của tập huấn không? Hoặc đã được tham gia tập huấn về giới và bình đẳng giới chưa?			
9. Những lưu ý sau đây khi mời người dân có được thực hiện không?  ✓ Nếu cần có sự tham gia của cả hai giới, có ghi rõ trong giấy mời thành phần như “Đề nghị sự tham gia của phụ nữ (Hoặc nam giới) không? ✓ Có mời đích danh tên người muốn tham gia không? Hoặc ghi rõ thành phần tham dự/người được mời là nam hay nữ không? ✓ Có đặt ra tỷ lệ nam-nữ tham gia tập huấn không? ✓ Có hình thức không? (Chỉ có 1 số ít nam giới hoặc nữ) để làm cho tập huấn trông có vẻ như được “cả hai giới tham gia)			

10. Công tác chuẩn bị tập huấn có tạo điều kiện thuận lợi giúp cả hai giới tham gia không? Cụ thể thời gian, địa điểm có thuận tiện với cả hai giới không? Có an toàn đối với phụ nữ không?			
<b>Thực hiện và giám sát tập huấn</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Không chắc</b>
11. Nam và nữ có được khuyến khích và tạo cơ hội bình đẳng trong việc phát biểu và đóng góp ý kiến trong tập huấn không?			
12. Khi quan sát thấy một trong hai giới tham gia ít hoặc kém hiệu quả hơn, GV/BCV/HDV có điều chỉnh phương pháp thảo luận hoặc cách thức điều hành để tăng cường sự tham gia của giới kia không?			
13. GV/BCV/HDV có sử dụng phương pháp có sự tham gia để khuyến khích sự tham gia của cả nam và nữ không?			
14. GV/BCV/HDV có tách riêng nhóm học viên nam và nhóm học viên nữ (khi cần) để họ thảo luận được thoải mái, cởi mở, sau đó so sánh kết quả thảo luận của hai nhóm không?			
<b>Đánh giá và báo cáo</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Không chắc chắn</b>
15. Báo cáo có nêu và phân tích cả kết quả lồng ghép giới không?  Ví dụ sự tham gia của học viên nam và nữ như thế nào? Các khó khăn, tồn tại cũng như kết quả chưa đạt được về khía cạnh thúc đẩy bình đẳng giới. Ví dụ “mặc dù đã ghi rõ và có nhắc nhở trong giấy mời, nhưng nhiều gia đình vẫn chỉ để nữ tham gia, chứ không phải là nam (như đã nêu) do vậy, phần nào làm hạn chế kết quả thảo luận, vì chủ yếu chỉ có ý kiến của một phía. Do vậy...(đề ra giải pháp để khắc phục trong những lần sau)			
16. Báo cáo có phân tích mức độ phù hợp của mục tiêu và các nội dung về giới được lồng ghép trong tập huấn không?			



17. Báo cáo có phân tích mức độ tham gia của nam và nữ vào các hoạt động của tập huấn và trong hoạt động/nội dung lồng ghép giới không?			
18. Báo cáo có đề ra những hoạt động/việc cần làm tiếp theo và kế hoạch thực hiện những việc sau tập huấn, gồm cả những hoạt động liên quan đến thúc đẩy bình đẳng giới không?			

Hãy rà soát lại câu trả lời của từng bước trong lồng ghép giới trong công tác tập huấn để phân tích kết quả:

- Nếu tất cả câu trả lời trong một bước (hoặc trong tất cả các bước) là “Có” với dẫn chứng được thông nhất chứng tỏ công tác tập huấn đã được lồng ghép giới có hiệu quả;
- Nếu vẫn có câu trả lời “Không”, hoặc nhiều câu trả lời “Không” với dẫn chứng cụ thể, hãy: (i) Phân tích nguyên nhân, tại sao tập huấn chưa được lồng ghép giới có hiệu quả? (ii) Bàn bạc đề xuất giải pháp để khắc phục trong những lần sau để bảo đảm hoạt động tập huấn được lồng ghép giới có hiệu quả;
- Nếu đa phần câu trả lời là “Không chắc chắn”, cần xem lại câu trả lời? so sánh đối chiếu các dẫn chứng của từng câu trả lời.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án giáo dục THCS vùng khó khăn nhất (2010), *Sổ tay hướng dẫn truyền thông về giới và bình đẳng giới trong giáo dục trung học cơ sở*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Quyết định phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành giáo dục giai đoạn 2012 – 2015*, Số hiệu 970/QĐ-BGDĐT, ngày 09/03/2012, Hà Nội.
3. Chính phủ (2008), *Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới*, Số hiệu 70/2008/NĐ-CP, ngày 04 tháng 06 năm 2008, Hà Nội.
4. Justice partnership programme (JPP), Justice initiatives facilitation fund (JIFF) (2014), *Bộ tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới dành cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực luật và tư pháp tại Việt Nam*.
5. Hội Khuyến học Việt Nam (2016), “*Các yếu tố thúc đẩy và cản trở bình đẳng giới tại các THPTCD*” (Báo cáo kết quả khảo sát tại 4 xã của 2 tỉnh Hòa Bình và Thái Bình 5-6/2016)
6. Lê Ngọc Hùng (2007), *Cẩm nang lồng ghép giới vào Trung tâm học tập cộng đồng*, Hà Nội.
7. Oxfam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, CSAGA, *Truyền thông có nhạy cảm giới – Tài liệu dành cho các cán bộ làm công tác tuyên giáo, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam*
8. Quốc hội (2006), Luật Bình đẳng giới của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 10, Số hiệu 73/2006/QH11, ngày 29 tháng 11 năm 2006.
9. Thủ tướng chính phủ (2010), *Quyết định Phê duyệt chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020*, Số hiệu 2351/QĐ-Ttg, ngày 24 tháng 12 năm 2010, Hà Nội.
10. Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020*, Số hiệu 1696/QĐ-Ttg, ngày 02 tháng 10 năm 2015, Hà Nội.
11. Tổ chức lao động Quốc tế (ILO), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Các chiến lược lồng ghép giới trong thúc đẩy việc làm bền vững: Công cụ hướng dẫn*

12. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, *Hướng dẫn lồng ghép giới trong các dự án phát triển kinh tế - xã hội*, Phát triển kinh tế xã hội có lồng ghép giới ở Cam-pu-chia, Đông Ti-mo và Việt Nam.
13. UNESCO Bangkok (2009), *Gender in Education Network in Asia-Pacific (GENIA) Toolkit: Promoting Gender Equality in Education*



### **Địa chỉ liên hệ:**

Văn phòng UNESCO Việt Nam,  
23 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam  
Website: [www.unesco.org](http://www.unesco.org)  
Email: [registry@unesco.org.vn](mailto:registry@unesco.org.vn)  
ĐT: +84 (4) 37 47 02 75  
Số Fax: +84 (4) 37 47 02 74

Hội Khuyến học Việt Nam,  
Tầng 13, cung Trí thức  
80 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Website: [www.hoikhuyenhoc.vn](http://www.hoikhuyenhoc.vn)  
Email: [thaixuandao@hoikhuyenhocvietnam.org](mailto:thaixuandao@hoikhuyenhocvietnam.org)  
ĐT: 84-4-37726147  
Số Fax: 84-4-37726152